

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
1	000001	Lâm Bình An	30/08/2010	10A1	4.40	3	7.4	7.8	0.2	4.73	1.9	6.83	7.00	2	9	5.75	3	8.75	5.00	2.75	7.75										
2	000021	Vũ Nhật Minh	01/01/2010	10A1	3.95	2	5.95	7.3	0	4.38	1.9	6.28	5.50	1	6.5	5.25	1.75	7	4.75	0.25	5										
3	000026	Trần Như Duy Phương	20/08/2010	10A1	3.70	2.75	6.45	6.3	0	5.08	2	7.08	5.50	2	7.5	4.75	2.25	7	4.00	1.5	5.5										
4	000033	Nguyễn Hoàng Thị Diễm Trang	14/01/2010	10A1	3.80	3	6.8	7	0	4.38	2	6.38	5.00	2	7	4.50	1.25	5.75	4.25	1.25	5.5										
5	000046	Đặng Trịnh Minh ANH	14/06/2010	10A1	5.10	3	8.1	5	0.2	4.38	1.9	6.48	6.25	2	8.25	6.50	2.5	9	3.70	0.75	4.45										
6	000064	Lê Ngọc Xuân Mai	14/02/2010	10A1	5.80	2.75	8.55	7	0	4.03	2	6.03	6.75	2	8.75	6.25	2.75	9	5.35	2.25	7.6										
7	000065	Phan Đức Nam	13/07/2010	10A1	3.45	2.5	5.95	6.3	0.2	4.38	2	6.58	7.00	2	9	6.75	3	9.75	5.25	2.75	8										
8	000085	Nguyễn Tuấn Tú	22/09/2010	10A1	5.30	3	8.3	6	0.2	4.90	2	7.1	6.00	1.75	7.75	6.25	2.25	8.5	5.50	2.75	8.25										
9	000093	Lâm Quỳnh Anh	25/09/2010	10A1	4.60	1.5	6.1	5	0	3.15	1.8	4.95	4.50	1.75	6.25	4.25	0.75	5	2.60	0.5	3.1										
10	000110	Phạm Thị Mỹ Lệ	14/11/2010	10A1	4.60	2.25	6.85	7.8	0	4.20	2	6.2	6.50	2.25	8.75	5.25	2	7.25	4.85	2.75	7.6										
11	000122	Nguyễn Anh Quân	09/06/2010	10A1	3.95	2.5	6.45	5.5	0	4.20	1.9	6.1	6.50	1.75	8.25	4.75	2.5	7.25	5.50	0.75	6.25										
12	000133	Huỳnh Thảo Vy	15/03/2010	10A1	4.40	3	7.4	6.3	0	3.68	2	5.68	7.00	2	9	4.75	2.5	7.25	5.00	0.25	5.25										
13	000140	Phan Hoài Anh	30/05/2010	10A1	4.15	2.5	6.65	6.8	0.2	4.20	2	6.4	6.00	3	9	5.00	2.5	7.5	6.00	2.25	8.25										
14	000152	Phạm Gia Lâm	10/08/2010	10A1	4.15	3	7.15	5.3	0.4	3.33	2	5.73	4.75	2	6.75	5.50	3	8.5	5.50	2	7.5										
15	000157	Đặng Hoàng Khánh Ngọc	16/11/2010	10A1	3.30	2	5.3	6	0	3.85	1.9	5.75	4.50	1.75	6.25	3.75	1.5	5.25	3.25	0.75	4										
16	000175	Nguyễn Phú Trọng	04/04/2010	10A1	2.95	2	4.95	5	0	3.50	1.9	5.4	4.50	2	6.5	4.50	2.25	6.75	1.85	0	1.85										
17	000184	Lâm Gia Bảo	15/06/2010	10A1	3.30	0.75	4.05	6.3	0	4.38	1.9	6.28	7.00	2.75	9.75	4.75	2	6.75	3.60	0.5	4.1										
18	000202	Võ Minh Khoa	07/06/2010	10A1	2.95	1.5	4.45	6.5	0	3.15	2	5.15	4.00	1.75	5.75	5.50	2.75	8.25	3.75	0.25	4										
19	000214	Hà Thị Khánh Tâm	13/09/2010	10A1	3.75	2.5	6.25	8	0	4.55	2	6.55	6.75	3	9.75	4.75	2	6.75	6.00	2.5	8.5										
20	000223	Nguyễn Hoàng Việt	30/08/2010	10A1	2.90	2.75	5.65	4.5	0.2	4.38	2	6.58	5.00	0.75	5.75	4.25	2.5	6.75	2.60	1	3.6										
21	000230	Nguyễn Gia Bảo	06/02/2010	10A1	4.45	2.75	7.2	4.8	0.2	4.90	2	7.1	5.00	2	7	6.00	2	8	4.25	2	6.25										
22	000240	Đoàn Tuấn Khoa	15/03/2010	10A1	3.65	3	6.65	5.3	0	3.85	2	5.85	6.25	2	8.25	6.00	2.25	8.25	5.50	0.5	6										
23	000254	Lý Bắc Ninh	17/04/2010	10A1	4.85	3	7.85	5.5	0	4.73	1.9	6.63	4.75	1.75	6.5	5.75	2.5	8.25	4.75	2.75	7.5										
24	000275	Trần Đặng Gia Bảo	21/10/2010	10A1	5.05	3	8.05	7.3	0.4	4.03	2	6.43	7.00	1.75	8.75	6.75	2.5	9.25	4.75	2.75	7.5										
25	000286	Trần Hoàng Khang	06/01/2010	10A1	4.00	2.5	6.5	7.3	0.2	3.68	1.7	5.58	6.25	2	8.25	4.25	1	5.25	5.00	1	6										
26	000302	Trần Phan Quốc Thắng	27/11/2010	10A1	4.10	2.75	6.85	6.8	0.2	4.20	2	6.4	6.00	1.75	7.75																

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
44	000505	Lê Ngọc Bảo Đức	29/03/2010	10A1	3.90	2	5.9	5	0	3.85	1.9	5.75	4.00	1.75	5.75	4.75	1.75	6.5	4.75	0.25	5										
45	000530	Bùi Hữu Phước	17/02/2010	10A1	2.70	1.5	4.2	4.5	0	3.33	1.9	5.23	3.25	0.75	4	3.50	1.75	5.25	2.75	0	2.75										
46	000006	Trương Ngọc Trâm Anh	14/01/2010	10A10	3.10	3	6.1	6.5	0	3.85	1.9	5.75	4.75	1.5	6.25							6.50	1.25	7.75	5.25	0.75	6	4.75	1.75	6.5	
47	000023	Lê Mỹ Ngọc	06/01/2010	10A10	4.40	2.75	7.15	7.8	0	4.20	2	6.2	7.00	2	9							6.50	3	9.5	5.10	2	7.1	6.25	3	9.25	
48	000031	Lê Huỳnh Thạch Thảo	11/07/2010	10A10	4.25	1.75	6	7.3	0.2	4.55	2	6.75	4.25	2	6.25							4.75	2.7	7.45	5.25	1.75	7	4.25	2.25	6.5	
49	000034	Huỳnh Đàm Thùy Trâm	11/11/2010	10A10	4.05	3	7.05	6.3	0	4.90	2	6.9	7.00	2	9							6.00	3	9	5.25	1.25	6.5	6.25	2.75	9	
50	000049	Nguyễn Hoàng Bảo	24/12/2010	10A10	3.45	2.5	5.95	5.8	0	2.80	2	4.8	7.00	2.75	9.75							6.50	3	9.5	4.75	2.5	7.25	5.25	2.75	8	
51	000068	Đoàn Thiên Ngọc	09/01/2010	10A10	5.25	3	8.25	7	0	4.90	2	6.9	6.00	2.75	8.75							7.00	3	10	5.25	1	6.25	6.75	3	9.75	
52	000070	Nguyễn Thị Minh Ngọc	03/09/2010	10A10	3.75	3	6.75	6	0	4.73	2	6.73	5.25	2	7.25							6.25	3	9.25	4.50	2	6.5	7.00	3	10	
53	000089	Nguyễn Thị Cẩm Vân	03/01/2010	10A10	3.90	3	6.9	8.3	0.2	4.20	2	6.4	5.50	2	7.5							6.50	2.75	9.25	6.00	2.25	8.25	4.60	2.75	7.35	
54	000097	Phạm Huỳnh Khánh Bằng	01/01/2010	10A10	2.80	3	5.8	5.3	0	2.98	2	4.98	3.25	2	5.25							4.75	1.5	6.25	4.10	0	4.1	4.00	2.75	6.75	
55	000113	Hồ Văn Mạnh	14/12/2010	10A10	2.60	1.5	4.1	6	0	3.85	1.9	5.75	5.00	1	6							5.75	2.9	8.65	2.50	0.25	2.75	3.35	1.25	4.6	
56	000126	Lâm Quyết Thắng	18/12/2010	10A10	3.45	2.5	5.95	8.3	0	3.85	2	5.85	4.75	2	6.75							6.75	2.7	9.45	4.75	2	6.75	3.85	3	6.85	
57	000142	Nguyễn Trung Chánh	16/06/2010	10A10	3.30	3	6.3	5.8	0	3.85	1.9	5.75	5.00	2.5	7.5							5.75	2.9	8.65	4.50	2	6.5	4.00	2.75	6.75	
58	000154	Nguyễn Xuân Mai	21/03/2010	10A10	3.95	2.5	6.45	7.3	0	4.38	2	6.38	6.50	2	8.5							5.75	3	8.75	6.25	1.75	8	6.25	2.75	9	
59	000159	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/02/2010	10A10	3.20	2.25	5.45	4.5	0	4.38	2	6.38	5.25	1.75	7							5.50	1.8	7.3	4.75	2	6.75	4.50	2.5	7	
60	000174	Tô Thị Bảo Trâm	03/10/2010	10A10	2.25	2.25	4.5	5.5	0	4.03	1.9	5.93	3.00	0	3							5.25	1	6.25	4.60	2	6.6	4.10	2.75	6.85	
61	000188	Lê Trần Minh Châu	08/10/2010	10A10	2.60	1.75	4.35	7	0	4.03	1.9	5.93	4.25	1.5	5.75							5.25	2.75	8	4.10	2.25	6.35	3.85	2.75	6.6	
62	000203	Lý Thị Trúc Mai	17/06/2010	10A10	3.20	2.25	5.45	7	0	4.20	1.9	6.1	4.00	2	6							6.50	3	9.5	4.25	0.75	5	5.25	3	8.25	
63	000215	Nguyễn Đình Thắng	29/07/2010	10A10	1.75	0.5	2.25	3.8	0	3.50	2	5.5	4.00	1	5							3.25	0.25	3.5	4.00	0.25	4.25	3.00	0.25	3.25	
64	000225	Cao Ngọc Thanh Vy	02/10/2010	10A10	2.30	1	3.3	5.5	0	4.03	1.9	5.93	4.75	1.75	6.5							6.50	3	9.5	4.50	0.5	5	3.35	2.75	6.1	
65	000227	Lê Tuấn Anh	08/02/2010	10A10	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng							V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	
66	000231	Trương Ngọc Diệp	22/02/2010	10A10	1.80	2.25	4.05	6	0	3.50	2	5.5	4.50	2.25	6.75							3.85	3	6.85	2.85	2	4.85	4.50	2.75	7.25	
67	000244	Chung Thanh Lâm	10/11/2010	10A10	4.60	3	7.6	6.8	0	3.68	2	5.68	5.50	1.5	7							6.25	2.75	9	5.75	2	7.75	5.00	3	8	
68	000252	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/08/2010	10A10	3.10	1	4.1	5	0	4.38	1.5	5.88	4.25	1.5	5.75							3.75	1	4.75	3.50	0.75	4.25	2.95	1.75	4.7	
69	000278	Phan Thị Thùy Dương	15/08/2010	10A10	5.00	3	8	7	0	4.38	2	6.38	5.25	2.75	8							6.00	3	9	6.50	2.25	8.75	4.50	3	7.5	
70	000290	Đoàn Thiên Kim	09/01/2010	10A10	2.95	3	5.95	7.5	0	4.38	2	6.38	7.00	2.25	9.25							6.25	3	9.25	5.50	2	7.5	6.50	2.75	9.25	
71	000303	Lưu Lý Đức Thuận	14/11/2009	10A10	3.70	3	6.7	6.3	0.2	4.38	1.9	6.48	4.75	2	6.75							6.25	3	9.25	5.50	1.25	6.75	4.00	2.5	6.5	
72	000309	Nguyễn Lê Minh Tú	02/04/2010	10A10	3.70	3	6.7	6.8	0	4.55	2	6.55	6.50	2	8.5							5.25	3	8.25	5.50	1	6.5	4.00	2.55	6.55	
73	000323	Nguyễn Tiến Đạt	12/03/2010	10A10	3.20	1.5	4.7	4.3	0	3.68	2	5.68	4.50	2	6.5							5.25	2.75	8	4.25	1.5	5.75	4.50	2	6.5	
74	000331	Phạm Tuấn Kiệt	06/01/2010	10A10	3.75	2.5	6.25	6.3	0	3.50	2	5.5	4.25	2	6.25							5.75	2.25	8	5.50	0.25	5.75	3.60	2.55	6.15	
75	000343	Phạm Phan Quỳnh Như	02/06/2010	10A10	4.60	3	7.6	6.3	0	4.38	2	6.38	6.75	2.5	9.25							6.50	3	9.5	4.75	2.5	7.25	4.60	2.75	7.35	
76	000360	Lim Bao Yu	13/01/2010	10A10	3.80	2.25	6.05	7.8	0	4.20	1.9	6.1	5.75	2	7.75							5.50	3	8.5	4.85	2	6.85	4.25	3	7.25	
77	000363	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	15/09/2010	10A10	3.90	1.5	5.4	8	0.2	5.08	2	7.28	6.25	0.75	7							6.50	2.75	9.25	4.50	0.5	5	5.25	3	8.25	
78	000369	Phú Thành Đạt	07/02/2010	10A10	2.75	2.5	5.25	7	0	3.68	1.8	5.48	4.25	1	5.25							5.75	2	7.75	4.50	0.6	5.1	4.00	2.75	6.75	
79	000376	Vương Thế Khang	25/11/2010	10A10	4.75	2.75	7.5	6.8	0	4.73	1.9	6.63	7.00	2.25	9.25							7.00	3	10	7.00	2.5	9.5	7.00	2.75	9.75	
80	000400	Trương Hoài Thương	10/04/2010	10A10	2.60	2.5	5.1	5	0	3.68	1.9	5.58	3.75	2	5.75							6.00	3	9	3.75	1	4.75	4.10	2.75	6.85	
81	000414	Nguyễn Ngọc Gia Hân	10/06/2010	10A10	2.20	3	5.2	6.5	0	3.33	1.8	5.13	5.25	2.25	7.5							5.00	3	8	5.25	1	6.25	2.00	1.75	3.75	
82	000418	Phạm Hoàng Gia Huy	21/10/2009	10A10	3.70	3	6.7	7.3	0	4.55	1.9	6.45	6.25	2.5	8.75							6.00	2.75	8.75	5.50	1.5	7	5.10	2.75	7.85	
83	000434	Nguyễn Văn Phúc	22/09/2010	10A10	2.40	2.75	5.15	6	0	3.85	2	5.85	5.00	0	5							5.50	2.5	8	4.75	0.75	5.5	3.75	3	6.75	
84	000448	Lê Đặng Ánh Tuyết	09/05/2010	10A10	2.45	2.5	4.95	8	0	4.38	2	6.38	4.50	2	6.5							5.25	3	8.25	5.00	2.25	7.25	4.25	3	7.25	
85	000463	Đặng Phúc Hậu	01/06/2010	10A10	2.85	2.25	5.1	6	0.2	3.33	2	5.53	4.25	2	6.25							6.00	3	9	4.50	2	6.5	5.00	2.75	7.75	
86	000464	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	20/02/2010	10A10	3.25	3	6.25	6.5	0	5.08	2	7.08	6.50	2	8.5							6.25	3	9.25	5.75	1.25	7	5.75	3	8.75	
87	000491	Triệu Trần Minh Tiến	25/12/2009	10A10	3.50	1.75	5.25	7.5	0.2	3.68	1.4	5.28	4.75	1.75	6.5							4.25	1	5.25	4.25	1.5	5.75	3.35	2	5.35	
88	000499	Phan Huỳnh Minh Anh	21/08/2010	10A10	2.35	0.5	2.85	6	0	3.15	0.8	3.95	3.25	0	3.25							5.50	0.3	5.8	2.75	0	2.75	2.75	1	3.75	
89	000509	Bùi Kim Hiếu	12/06/2010	10A10	3.60	3	6.6	7.5	0	4.03	2	6.03	6.75	2	8.75							6.75	3	9.75	5.75	2	7.75	6.75	3	9.75	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
90	000510	Nguyễn Lê Hoàng Hiếu	20/10/2010	10A10	3.50	0.5	4	8	0	4.20	2	6.2	3.25	1.75	5							3.25	2.9	6.15	5.10	1.25	6.35	4.25	2.75	7	
91	000533	Nguyễn Minh Tấn	14/10/2010	10A10	3.20	3	6.2	8.3	0	3.85	1.9	5.75	6.75	2.25	9							6.25	3	9.25	6.00	2.25	8.25	4.10	2.25	6.35	
92	000012	Đàm Khánh Hà	01/07/2010	10A11	2.90	1.75	4.65	7.3	0	4.73	2	6.73	5.25	2.5	7.75							6.00	2.8	8.8	5.10	2.25	7.35	5.00	2.75	7.75	
93	000025	Trần Minh Phúc	10/08/2010	10A11	6.00	3	9	6.5	0.2	2.10	2	4.3	6.50	2	8.5							6.50	3	9.5	5.50	1	6.5	4.00	2.75	6.75	
94	000035	Nguyễn Thị Huyền Trâm	04/04/2010	10A11	4.30	2	6.3	5.5	0.2	4.55	2	6.75	4.60	2	6.6							4.50	2.9	7.4	4.50	2	6.5	5.75	2.75	8.5	
95	000042	Ngô Mỹ Uyên	03/12/2010	10A11	5.30	3	8.3	6	0.6	4.20	2	6.8	4.75	2	6.75							6.00	3	9	4.85	1	5.85	4.85	3	7.85	
96	000057	Lê Hoàng Trung Hiếu	07/11/2010	10A11	2.55	2.5	5.05	6.3	0.2	4.55	2	6.75	5.75	1.75	7.5							6.25	2.2	8.45	4.50	2.5	7	5.50	3	8.5	
97	000072	Mai Vĩnh Phát	28/08/2010	10A11	3.25	0.75	4	6	0.2	4.20	2	6.4	4.50	2.5	7							5.75	2.9	8.65	3.75	1.75	5.5	4.00	2.75	6.75	
98	000073	Trần Văn Phúc	30/08/2010	10A11	5.30	3	8.3	6.5	1	4.38	2	7.38	7.00	2.5	9.5							6.75	3	9.75	6.00	2.5	8.5	4.50	3	7.5	
99	000090	Lương Nhật Yển	22/12/2010	10A11	3.85	3	6.85	7.3	0.2	4.73	2	6.93	6.75	2	8.75							6.25	3	9.25	5.25	2.5	7.75	7.00	3	10	
100	000098	Huỳnh Tấn Dũng	15/10/2010	10A11	5.35	1.75	7.1	7	0.2	4.20	2	6.4	5.25	2	7.25							6.25	2.3	8.55	3.75	2.25	6	4.25	3	7.25	
101	000107	Nguyễn Minh Huy	11/08/2010	10A11	5.25	3	8.25	7.5	0.2	4.73	2	6.93	6.25	2	8.25							6.25	2.8	9.05	6.25	2	8.25	7.00	3	10	
102	000119	Dương Tấn Phát	09/02/2010	10A11	3.90	1.5	5.4	6.5	0.2	4.20	1.8	6.2	6.00	2	8							5.00	2.5	7.5	3.75	0	3.75	4.50	2.75	7.25	
103	000129	Lê Minh Triết	08/06/2010	10A11	4.40	1.75	6.15	7	1	3.68	2	6.68	6.50	1.75	8.25							6.25	3	9.25	4.60	2	6.6	4.25	3	7.25	
104	000151	Nguyễn Dĩ Khang	08/07/2010	10A11	2.75	1.5	4.25	5	0	4.03	2	6.03	3.50	2	5.5							3.75	1.6	5.35	4.75	1	5.75	2.75	2.5	5.25	
105	000161	Trịnh Khánh Như	24/08/2010	10A11	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng							V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	
106	000164	Võ Tấn Quang	05/10/2010	10A11	3.85	1.5	5.35	6.5	1	4.55	2	7.55	5.25	2	7.25							5.75	3	8.75	3.75	2.5	6.25	4.00	3	7	
107	000177	Đàm Tiểu Vân	06/06/2010	10A11	2.20	1.75	3.95	8	0	4.55	2	6.55	5.00	2.5	7.5							6.50	2.9	9.4	5.50	3	8.5	4.75	2.5	7.25	
108	000198	Trần Thị Hương	01/04/2010	10A11	3.35	2	5.35	6.3	0.4	4.20	1.7	6.3	4.00	2	6							5.75	1	6.75	4.25	0.5	4.75	4.75	2.25	7	
109	000199	Nguyễn Phúc Khang	01/01/2010	10A11	5.30	3	8.3	7.8	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2	8.75							7.00	3	10	5.50	2.5	8	6.75	3	9.75	
110	000207	Lê Yển Nhi	06/05/2010	10A11	2.65	2	4.65	6.3	0	4.03	1.9	5.93	3.25	2	5.25							5.50	2.75	8.25	3.35	2	5.35	2.75	3	5.75	
111	000219	Lê Trần Thảo Trinh	18/07/2010	10A11	5.05	2.5	7.55	5.5	0.4	5.95	2	8.35	6.25	2	8.25							6.50	2.75	9.25	5.00	1.25	6.25	4.75	2.75	7.5	
112	000232	Huỳnh Thành Đạt	16/06/2010	10A11	4.15	2.75	6.9	5.8	0.2	4.20	2	6.4	6.75	2.25	9							5.85	2.5	8.35	4.75	2.25	7	5.00	3	8	
113	000242	Nguyễn Phạm Anh Khoa	04/03/2010	10A11	4.80	3	7.8	6.3	1	4.55	2	7.55	6.75	2	8.75							6.25	3	9.25	5.25	2.25	7.5	6.50	3	9.5	
114	000251	Hồ Trần Ý Nhi	18/01/2010	10A11	3.20	2.75	5.95	6.5	0.4	4.90	2	7.3	5.50	2	7.5							6.50	2.75	9.25	5.10	1	6.1	4.10	2.75	6.85	
115	000262	Nguyễn Quỳnh Phương Thảo	05/04/2010	10A11	2.15	1.5	3.65	6.3	0	4.20	2	6.2	3.25	1	4.25							6.50	3	9.5	4.00	1.5	5.5	4.00	3	7	
116	000289	Nguyễn Võ Anh Khôi	04/09/2010	10A11	2.55	1.25	3.8	5	0.2	4.03	1.8	6.03	1.75	2	3.75							5.35	2.75	8.1	3.10	0.75	3.85	4.75	2.75	7.5	
117	000295	Châu Phạm Bảo Nhi	01/04/2010	10A11	5.05	2.5	7.55	7	0.2	2.98	1.8	4.98	5.00	2	7							4.00	2.75	6.75	4.25	2	6.25	4.50	2.75	7.25	
118	000306	Lê Trần Thanh Trúc	02/03/2010	10A11	4.85	3	7.85	7.5	0	4.20	1.9	6.1	7.00	2.25	9.25							7.00	3	10	6.25	2.25	8.5	6.25	3	9.25	
119	000314	Nguyễn Tường Vy	12/06/2010	10A11	3.50	2.5	6	7	0	3.85	1.9	5.75	4.75	2	6.75							5.75	2.75	8.5	4.85	2.5	7.35	3.25	2.75	6	
120	000332	Nguyễn Thị Ngọc Lan	13/03/2010	10A11	3.35	2.5	5.85	7.5	0	4.73	2	6.73	6.50	2	8.5							6.25	3	9.25	5.75	2.5	8.25	7.00	2.75	9.75	
121	000340	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	12/03/2010	10A11	4.30	1.5	5.8	6	0.4	4.55	2	6.95	4.50	2	6.5							6.25	3	9.25	3.75	2.75	6.5	4.60	3	7.6	
122	000350	Phạm Ngọc Gia Thiện	09/07/2010	10A11	3.00	1	4	5.3	0.2	3.50	1.9	5.6	4.25	2	6.25							6.00	2.75	8.75	4.25	0	4.25	4.50	2.75	7.25	
123	000370	Huỳnh Minh Đăng	30/11/2010	10A11	4.60	2.75	7.35	6.3	0	3.68	2	5.68	4.50	2	6.5							3.00	2.5	5.5	2.75	1.5	4.25	4.50	2.75	7.25	
124	000380	Đỗ Bùi Nguyễn Lâm	27/11/2010	10A11	3.55	2	5.55	7.3	0.2	5.60	2	7.8	4.75	0.5	5.25							5.50	1.25	6.75	3.75	1.5	5.25	5.50	1.95	7.45	
125	000388	Lê Trọng Nhân	26/08/2010	10A11	5.10	2.5	7.6	4.5	0.2	3.68	2	5.88	4.75	2.25	7							5.50	2.75	8.25	5.25	0.75	6	4.00	2.75	6.75	
126	000402	Nguyễn Diệp Thủy Trúc	12/02/2010	10A11	4.10	2.75	6.85	8	0.4	4.20	2	6.6	6.00	2.5	8.5							6.50	3	9.5	4.85	2.25	7.1	6.25	2.75	9	
127	000422	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	11/07/2010	10A11	3.20	2.5	5.7	7.8	0.8	4.03	1.9	6.73	6.50	2	8.5							5.50	3	8.5	5.75	2	7.75	5.75	3	8.75	
128	000428	Trần Gia Nghi	29/11/2010	10A11	5.30	2	7.3	8	0.6	4.38	2	6.98	7.00	2	9							6.50	3	9.5	5.25	2.5	7.75	5.10	2.75	7.85	
129	000440	Nguyễn Lê Trần Anh Thư	12/04/2010	10A11	3.70	2.5	6.2	6.8	0.2	3.85	1.9	5.95	5.25	2	7.25							5.75	2.75	8.5	4.00	2.25	6.25	4.60	2.75	7.35	
130	000450	Lê Vũ Minh Yên	09/11/2010	10A11	4.10	2.75	6.85	6.8	0.2	3.85	1.6	5.65	4.25	2	6.25							5.75	2.75	8.5	4.75	2	6.75	4.10	2.75	6.85	
131	000456	Vũ Thị Quỳnh Anh	11/03/2010	10A11	3.60	1.5	5.1	6	0	3.50	2	5.5	4.00	2	6							5.50	2.25	7.75	3.25	2	5.25	4.50	2.75	7.25	
132	000474	Lương Ngọc Xuân Mai	17/01/2010	10A11	3.70	2.5	6.2	7.5	0.4	4.73	2	7.13	5.25	2	7.25							6.25	3	9.25	4.75	2.25	7	4.75	3	7.75	
133	000478	Nguyễn Phùng Ánh Ngân	16/09/2010	10A11	4.35	2.25	6.6	7.5	0	3.68	1.8	5.48	4.25	2	6.25							6.50	2.75	9.25	4.75	2.25	7	4.50	3	7.5	
134	000492	Lê Nguyễn Như Tuyền	23/12/2010	10A11	2.60	1.75	4.35	6.3	0	3.68	2	5.68	5.00	1.75	6.75							6.50	1.8	8.3	5.00	1.25	6.25	5.25	2.75	8	
135	000506	Võ Thị Giàu	06/12/2008	10A11	3.70	3	6.7	6.5	0.6	2.80	2	5.4	6.75	2	8.75							6.25	3	9.25	5.50	2.25	7.75	6.25	2.75	9	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
136	000517	Đổng Trần Nhật Minh	12/05/2010	10A11	4.80	3	7.8	8	0.4	5.08	2	7.48	6.75	3	9.75							7.00	2.6	9.6	6.25	3	9.25	5.85	3	8.85	
137	000521	Vũ Hoàng Kim Nga	11/05/2010	10A11	3.20	1.25	4.45	7.8	0.2	4.73	2	6.93	6.25	2.5	8.75							6.50	2.9	9.4	5.75	2.5	8.25	6.25	3	9.25	
138	000537	Vũ Hoàng Minh Thư	16/10/2010	10A11	3.30	0.5	3.8	4.5	0	4.55	2	6.55	5.00	2	7							5.35	2	7.35	3.50	1.75	5.25	4.50	2.75	7.25	
139	000005	Trình Ngọc Bảo Anh	23/06/2010	10A12	3.35	1	4.35	7.3	0	4.38	1.9	6.28	6.00	2	8							6.50	2.5	9	4.10	1.25	5.35	5.00	2.75	7.75	
140	000029	Đặng Ngọc Hoàng Sang	19/12/2010	10A12	2.95	1.25	4.2	4.5	0	3.85	2	5.85	2.50	1.75	4.25							5.25	1.3	6.55	3.50	1	4.5	3.00	1	4	
141	000037	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	12/05/2010	10A12	3.50	2	5.5	7.5	0.2	3.68	2	5.88	6.25	2	8.25							6.50	3	9.5	4.75	2.25	7	5.50	2.75	8.25	
142	000045	Nguyễn Ngọc Như Ý	07/12/2010	10A12	3.80	1.75	5.55	8	0	4.20	2	6.2	6.25	2	8.25							6.25	3	9.25	5.25	2	7.25	7.00	3	10	
143	000053	Tạ Nguyễn Ngọc Duyên	10/11/2010	10A12	3.15	2.25	5.4	5.5	0	3.85	2	5.85	6.00	2	8							6.50	3	9.5	4.85	2	6.85	5.50	2	7.5	
144	000067	Phạm Phương Nga	06/03/2010	10A12	6.50	2.5	9	8.3	0	4.73	1.9	6.63	7.00	2.5	9.5							6.50	3	9.5	5.75	2.25	8	7.00	2.75	9.75	
145	000077	Phan Thị Như Quỳnh	17/04/2010	10A12	4.05	2	6.05	7.3	0	5.25	1.9	7.15	7.00	1.75	8.75							6.25	2.9	9.15	4.00	2	6	6.00	2.75	8.75	
146	000078	Nguyễn Quốc Sum	05/02/2010	10A12	1.75	0.75	2.5	7.5	0	4.38	1.8	6.18	4.50	1.75	6.25							5.25	2.9	8.15	2.60	0.75	3.35	4.25	2	6.25	
147	000092	Bùi Vũ Quỳnh Anh	24/04/2010	10A12	3.15	1.5	4.65	7.5	0	3.68	1.9	5.58	6.00	2	8							6.50	3	9.5	3.75	2	5.75	5.25	2.75	8	
148	000103	Nguyễn Khánh Hà	18/03/2010	10A12	3.70	1.5	5.2	7.8	0.4	4.20	2	6.6	4.75	2.5	7.25							6.50	3	9.5	4.25	2.25	6.5	5.75	2	7.75	
149	000121	Võ Hào Quang	07/04/2010	10A12	4.00	3	7	6.8	0	4.55	2	6.55	5.50	1.75	7.25							6.25	2.9	9.15	4.25	2.25	6.5	6.25	2.75	9	
150	000131	Nguyễn Hoàng Minh Tuấn	16/11/2010	10A12	2.90	1	3.9	6.3	0	4.20	2	6.2	4.25	1	5.25							4.75	1.25	6	3.10	0	3.1	2.75	2.75	5.5	
151	000145	Lữ Minh Hiếu	05/07/2010	10A12	5.05	3	8.05	7	0	3.33	2	5.33	6.25	2.25	8.5							5.50	2.9	8.4	5.25	1.75	7	4.50	1.25	5.75	
152	000163	Ngô Nhựt Quang	01/02/2010	10A12	2.85	0.75	3.6	7.5	0.2	4.20	2	6.4	5.75	2	7.75							5.75	2.4	8.15	4.75	2.5	7.25	5.50	1.75	7.25	
153	000167	Lê Bùi Minh Tâm	16/10/2010	10A12	4.85	2	6.85	8	0.8	5.43	2	8.23	6.75	2	8.75							6.00	2.8	8.8	4.25	2.5	6.75	5.25	2.75	8	
154	000180	Lương Hải Yến	13/08/2010	10A12	4.45	2.5	6.95	8.3	0	4.55	2	6.55	6.50	2.25	8.75							6.25	3	9.25	5.60	2.25	7.85	6.50	3	9.5	
155	000193	Nguyễn Minh Hòa	06/10/2010	10A12	4.05	1.75	5.8	6.3	0.4	4.55	1.5	6.45	5.00	2	7							6.25	2.75	9	4.00	2	6	4.25	2.75	7	
156	000211	Nguyễn Minh Phước	02/08/2010	10A12	4.15	2	6.15	6.8	0	4.20	1.7	5.9	5.25	2	7.25							6.00	2.5	8.5	3.25	2	5.25	5.25	3	8.25	
157	000222	Đào Ngọc Phương Uyên	25/08/2010	10A12	4.85	2.75	7.6	8.3	0.2	4.55	2	6.75	4.25	2	6.25							6.25	3	9.25	4.50	2.25	6.75	5.50	3	8.5	
158	000226	Dương Ngọc Lan Anh	08/06/2010	10A12	4.65	2.5	7.15	7.3	0	4.20	2	6.2	7.00	2.25	9.25							6.50	3	9.5	5.50	2.25	7.75	7.00	2.75	9.75	
159	000239	Trần Nguyễn Tuấn Khang	06/02/2010	10A12	3.25	1.5	4.75	8	0	4.38	2	6.38	6.50	2.75	9.25							6.50	3	9.5	3.60	2	5.6	6.50	1.75	8.25	
160	000257	Võ Minh Phú	15/12/2010	10A12	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng							V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	
161	000261	Dương Khắc Thành	25/09/2010	10A12	3.75	1.5	5.25	5	0.2	4.03	2	6.23	3.75	1.5	5.25							4.75	3	7.75	3.10	1.25	4.35	3.50	2	5.5	
162	000287	Lê Ngọc Bảo Khanh	11/10/2010	10A12	3.70	2.5	6.2	7.3	0	3.85	2	5.85	7.00	2	9							6.00	3	9	4.75	2.25	7	5.25	2.75	8	
163	000296	Nguyễn Tấn Phát	04/06/2010	10A12	3.35	3	6.35	7.3	0	4.03	1.9	5.93	7.00	2	9							6.25	3	9.25	4.50	2.25	6.75	6.50	2.75	9.25	
164	000313	Trịnh Thanh Vị	21/03/2010	10A12	3.00	1	4	6.8	0	3.68	1.9	5.58	4.25	1	5.25							3.75	2.5	6.25	3.50	0.75	4.25	4.10	2.75	6.85	
165	000315	Nguyễn Ngọc Yến	21/07/2010	10A12	4.45	0.5	4.95	8.3	0	3.50	2	5.5	3.25	1.5	4.75							4.50	3	7.5	2.35	1.75	4.1	3.60	1.75	5.35	
166	000316	Hà Bảo An	22/02/2010	10A12	2.60	2	4.6	6.8	0	4.38	2	6.38	2.60	0.75	3.35							5.10	2	7.1	3.25	1.25	4.5	5.00	0.75	5.75	
167	000334	Nguyễn Bảo Lâm	17/12/2010	10A12	4.70	2	6.7	6.8	0.8	4.55	2	7.35	6.00	2	8							6.50	3	9.5	4.35	2.25	6.6	5.50	2.75	8.25	
168	000342	Lê Võ Yến Như	07/09/2010	10A12	2.75	1.75	4.5	7.8	0	3.85	2	5.85	4.25	2	6.25							6.00	3	9	4.00	2.25	6.25	5.00	2.75	7.75	
169	000352	Nguyễn Hoài Thịnh	01/10/2009	10A12	3.05	1.75	4.8	6.8	0	3.50	2	5.5	3.50	2	5.5							5.00	2.5	7.5	3.50	3	6.5	3.35	2.75	6.1	
170	000364	Phạm Kim Anh	09/01/2010	10A12	4.35	3	7.35	7.8	0	4.03	2	6.03	6.00	2	8							7.00	2.75	9.75	4.60	1.75	6.35	6.50	3	9.5	
171	000382	Nguyễn Hoàng Phương Linh	16/12/2010	10A12	3.75	1.5	5.25	7.3	0.2	3.85	2	6.05	5.25	2	7.25							6.50	3	9.5	5.00	2	7	4.75	2.75	7.5	
172	000389	Lý Ngọc Thảo Nhi	13/05/2010	10A12	3.85	2	5.85	7	0	4.38	1.9	6.28	5.50	1	6.5							6.00	2.75	8.75	3.50	1.75	5.25	4.25	2	6.25	
173	000406	Đỗ Tường Vy	30/07/2010	10A12	3.60	1	4.6	7.5	0	3.85	1.9	5.75	5.00	2	7							5.00	3	8	2.75	1.25	4	4.00	1.75	5.75	
174	000424	Phan Đức Lộc	01/01/2010	10A12	2.00	0	2	4	0	3.15	0.7	3.85	4.00	0	4							2.25	1	3.25	3.35	0.5	3.85	2.50	0	2.5	
175	000429	Dương Thị Yến Nhi	07/06/2010	10A12	5.55	2	7.55	7.8	0	4.55	2	6.55	5.75	2	7.75							5.75	3	8.75	5.50	2.5	8	3.35	3	6.35	
176	000444	Nguyễn Thị Yến Trang	31/03/2010	10A12	3.95	2.5	6.45	7.8	0	3.85	2	5.85	7.00	2.75	9.75							6.50	3	9.5	4.75	2	6.75	6.75	2.75	9.5	
177	000452	Tiêu Thị Kim Yến	13/05/2010	10A12	3.65	2	5.65	6.8	0	4.55	2	6.55	6.75	2	8.75							5.75	3	8.75	3.60	1.25	4.85	6.25	3	9.25	
178	000453	Nguyễn Trường An	05/10/2010	10A12	4.35	2.25	6.6	8.3	0	4.20	2	6.2	6.25	2	8.25							6.25	2.75	9	3.50	2.25	5.75	4.25	3	7.25	
179	000475	Trần Thị Thảo My	04/05/2010	10A12	4.00	0.25	4.25	7.8	0	4.55	2	6.55	5.75	2	7.75							6.25	3	9.25	3.85	2	5.85	5.25	2.75	8	
180	000479	Cao Thụy Hồng Ngọc	24/02/2010	10A12	4.00	1.75	5.75	7	0.2	4.55	1.9	6.65	5.75	2	7.75							6.25	2	8.25	4.10	0.75	4.85	6.50	1.75	8.25	
181	000498	Phạm Xuân Vy	03/03/2010	10A12	4.40	2.75	7.15	5.3	0	4.38	1.9	6.28	4.25	1.75	6							5.25	2.2	7.45	3.10	0.75	3.85	6.00	2.75	8.75	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC		
182	000500	Trần Thiệu Anh	06/09/2010	10A12	2.65	0.75	3.4	7	0.2	4.03	1.9	6.13	5.25	1	6.25							5.75	3	8.75	3.25	0.25	3.5	5.00	2	7		
183	000520	Nguyễn Hữu Hoàng Nam	20/07/2010	10A12	2.95	1.25	4.2	4.5	0.2	2.98	2	5.18	4.50	1	5.5							6.00	3	9	2.75	1	3.75	3.25	2.75	6		
184	000522	Trần Thị Kim Ngân	27/04/2010	10A12	5.75	2.5	8.25	7	0	4.03	2	6.03	7.00	2	9							7.00	3	10	5.50	2	7.5	6.75	2.75	9.5		
185	000539	Đặng Minh Triết	21/05/2010	10A12	2.35	0.5	2.85	7.3	0	4.20	1.9	6.1	2.60	1.5	4.1							5.00	1.45	6.45	4.00	2	6	3.35	2.75	6.1		
186	000008	Hoàng Cao Bảo Châu	07/12/2010	10A2	4.00	3	7	5.5	0.2	3.85	2	6.05	4.00	2	6	5.25	2.5	7.75	4.35	0.75	5.1											
187	000032	Nguyễn Khả Thi	28/09/2010	10A2	3.20	1.75	4.95	7	0.4	4.03	2	6.43	5.50	2	7.5	6.25	2.5	8.75	5.50	1	6.5											
188	000036	Lâm Vĩnh Trần	27/07/2009	10A2	4.10	3	7.1	6	0.2	4.90	1.8	6.9	5.50	2	7.5	5.00	2.75	7.75	5.60	3	8.6											
189	000043	Hà Thế Vũ	16/12/2010	10A2	2.15	1.75	3.9	5.5	0.6	4.03	2	6.63	4.50	1	5.5	4.00	2	6	3.75	0.5	4.25											
190	000051	Nguyễn Mạnh Cường	01/08/2010	10A2	3.75	3	6.75	5.3	0.0	4.55	2	6.55	5.00	1	6	5.75	2.25	8	5.00	0.75	5.75											
191	000080	Võ Minh Thành	21/06/2010	10A2	6.05	3	9.05	7	0.2	4.55	2	6.75	7.00	2.5	9.5	6.50	3	9.5	6.00	3	9											
192	000083	Trương Thành Thiện	25/07/2010	10A2	3.75	2.5	6.25	6.8	0.0	2.63	2	4.63	5.25	1	6.25	5.00	3	8	4.75	0.75	5.5											
193	000094	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/08/2010	10A2	V	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng		Vắng	Vắng											
194	000101	Nguyễn Văn Thành Đạt	01/12/2010	10A2	3.25	2	5.25	4.5	0.0	3.85	2	5.85	4.00	1.75	5.75	5.25	2.5	7.75	5.00	2	7											
195	000124	Bùi Thị Thanh Tâm	11/02/2010	10A2	3.10	2	5.1	6.8	0.2	3.68	1.9	5.78	6.75	2	8.75	5.50	2.75	8.25	5.25	1.75	7											
196	000130	Nguyễn Bá Trụ	11/12/2010	10A2	2.45	2	4.45	5.8	0.0	3.50	2	5.5	6.25	2	8.25	5.00	1.5	6.5	4.50	0.5	5											
197	000141	Nguyễn Gia Bảo	12/05/2010	10A2	3.70	1.75	5.45	6	0.2	3.85	1.9	5.95	4.00	2	6	5.50	1.75	7.25	4.20	0.25	4.45											
198	000144	Nguyễn Phú Hải	11/12/2008	10A2	4.15	2.75	6.9	3.8	0.4	2.80	1.9	5.1	4.10	1.5	5.6	4.75	2.5	7.25	4.25	0.75	5											
199	000166	Nguyễn Trường Sơn	07/03/2010	10A2	4.35	2.25	6.6	5.5	0.0	2.98	2	4.98	4.85	1	5.85	3.50	1.75	5.25	4.25													

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
228	000513	Nguyễn Hoàng Vương Lâm	19/07/2010	10A2	4.90	3	7.9	7.8	0.0	2.98	1.7	4.68	4.75	1.75	6.5	6.25	2.5	8.75	6.00	1.25	7.25										
229	000515	Nguyễn Nhật Linh	25/01/2010	10A2	V	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng										
230	000538	Phan Mộc Trân	10/09/2010	10A2	4.60	2.5	7.1	6.3	0.0	3.85	2	5.85	6.10	2.75	8.85	6.50	3	9.5	6.25	2.75	9										
231	000015	Nguyễn Đăng Hòa	16/02/2010	10A3	3.75	2	5.75	5.3	0.2	4.55	1.9	6.65	5.25	2	7.25	4.75	2	6.75	3.85	0.75	4.6				5.00	2.25	7.25				
232	000030	Lê Xuân THẮNG	29/03/2010	10A3	3.65	3	6.65	5	0.0	5.25	1.9	7.15	4.00	2	6	6.75	2.75	9.5	4.50	1.75	6.25				4.50	2.25	6.75				
233	000039	Phan Trần Ngọc Ánh Tuyết	09/07/2010	10A3	4.75	2.75	7.5	7	0.0	4.38	2	6.38	7.00	2	9	6.50	3	9.5	6.50	3	9.5				5.75	2	7.75				
234	000044	Nguyễn Thanh Xuân	25/09/2010	10A3	5.40	3	8.4	6.3	0.0	4.55	2	6.55	7.00	2.75	9.75	6.75	2.5	9.25	6.25	3	9.25				6.25	2.5	8.75				
235	000050	Nguyễn Phạm Gia Bảo	06/05/2009	10A3	4.35	2.5	6.85	6	0.0	4.03	2	6.03	5.50	2	7.5	6.25	3	9.25	5.75	2.25	8				5.00	2.25	7.25				
236	000058	Trần Kim Hoàng	02/03/2010	10A3	3.35	2.5	5.85	4.5	0.0	4.03	2	6.03	4.25	1	5.25	6.00	3	9	4.00	1	5				4.10	0.75	4.85				
237	000081	Võ Mỹ Phương Thảo	23/09/2010	10A3	5.05	3	8.05	6.3	0.0	3.85	1.6	5.45	3.75	2	5.75	6.25	3	9.25	4.75	1.25	6				5.00	1.75	6.75				
238	000082	Bùi Ngọc Bảo Thi	03/03/2010	10A3	5.00	3	8	5.8	0.0	4.55	2	6.55	3.50	2	5.5	6.25	3	9.25	4.75	2.25	7				5.00	2	7				
239	000100	Nguyễn Tiến Đạt	18/10/2010	10A3	4.60	2.5	7.1	6.8	0.0	4.03	2	6.03	7.00	2	9	6.00	3	9	6.00	3	9				5.75	1.25	7				
240	000105	Lê Quốc Huy	01/07/2010	10A3	2.60	1.75	4.35	6	0.0	4.55	2	6.55	5.25	2.75	8	5.00	2.75	7.75	5.75	2.75	8.5				3.75	1.5	5.25				
241	000125	Đỗ Thị Thanh Thảo	09/10/2010	10A3	4.85	3	7.85	6	0.0	4.38	2	6.38	7.00	2.5	9.5	6.25	3	9.25	5.35	2.75	8.1				5.35	2.25	7.6				
242	000132	Trần Minh Tuyết	16/09/2010	10A3	3.95	1.75	5.7	6.3	0.4	4.38	1.9	6.68	3.75	2	5.75	5.75	2	7.75	4.00	1.25	5.25				5.10	2	7.1				
243	000150	Lê Thanh Huy	30/08/2010	10A3	5.25	3	8.25	6.8	0.0	4.03	2	6.03	6.50	2.25	8.75	6.50	3	9.5	5.75	3	8.75				6.75	2.25	9				
244	000169	Nguyễn Lê Trọng Thành	05/02/2010	10A3	4.45	2.5	6.95	4.5	0.0	3.68	2	5.68	3.25	2	5.25	6.25	2.75	9	4.50	0.25	4.75				4.00	1	5				
245	000171	Dương Ngọc Anh Thư	09/12/2010	10A3	5.30	3	8.3	7.3	0.0	3.68	2	5.68	5.00	2	7	6.00	2.75	8.75	4.60	1	5.6				4.60	2	6.6				
246	000189	Đỗ Trần Kiều Diễm	09/08/2010	10A3	3.70	1.5	5.2	6.5	0.0	4.38	2	6.38	4.10	2	6.1	5.00	2	7	4.60	1.5	6.1				4.00	2.5	6.5				
247	000197	Phạm Nhựt Huy	11/07/2010	10A3	V	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng				V	Vắng	Vắng				
248	000213	Phạm Hoàng Tú Sương	26/02/2010	10A3	6.00	3	9	6	0.0	3.85	2	5.85	4.00	2	6	6.25	3	9.25	5.50	3	8.5				4.75	2.25	7				
249	000221	Tống Gia Tường	28/04/2010	10A3	4.05	2.5	6.55	8	0.0	4.03	2	6.03	5.75	2.5	8.25	6.25	3	9.25	6.00	3	9				5.00	2.25	7.25				
250	000235	Trần Thu Hà	30/03/2010	10A3	3.90	2.5	6.4	6.5	0.0	4.03	1.8	5.83	4.75	2	6.75	3.75	2.5	6.25	2.75	1.25	4				4.25	1.25	5.5				
251	000238	Hoàng Kim Hưng	04/12/2010	10A3	2.30	0	2.3	5.3	0.0	3.68	1.5	5.18	3.50	0.25	3.75	1.75	0	1.75	3.00	1.5	4.5				1.50	0	1.5				
252	000256	Trịnh Tấn Phong	17/09/2010	10A3	4.35	2.5	6.85	6	0.0	4.73	2	6.73	7.00	2.25	9.25	6.75	2	8.75	5.25	1.5	6.75				6.25	2.25	8.5				
253	000265	Nguyễn Hồng Cẩm Tiên	05/05/2010	10A3	5.30	2.5	7.8	6.3	0.0	3.68	2	5.68	6.00	2	8	5.75	3	8.75	5.50	2.25	7.75				5.75	2.25	8				
254	000271	Bùi Ngọc Phương An	14/07/2010	10A3	5.00	3	8	7.3	0.2	4.90	1.9	7	6.50	2	8.5	6.25	3	9.25	5.75	2.5	8.25				5.50	2.25	7.75				
255	000285	Lai Minh Khang	30/06/2010	10A3	4.60	2.5	7.1	5.3	0.0	4.20	1.9	6.1	6.00	2	8	6.00	2.75	8.75	4.25	2.5	6.75				4.35	1	5.35				
256	000297	Nguyễn Thanh Phong	09/10/2009	10A3	4.60	3	7.6	8.5	0.0	3.85	2	5.85	7.00	2	9	6.25	2.5	8.75	5.75	2	7.75				6.00	1	7				
257	000311	Lư Thái Phương UYÊN	22/05/2010	10A3	3.05	2.5	5.55	7.5	0.2	5.08	2	7.28	5.00	1.75	6.75	6.00	2.75	8.75	4.00	1.25	5.25				5.75	1.75	7.5				
258	000322	Nguyễn Hoàng Duy	29/11/2010	10A3	4.50	2	6.5	4.8	0.0	4.38	2	6.38	5.50	2	7.5	6.75	2.75	9.5	3.85	1.25	5.1				5.25	2.5	7.75				
259	000329	Đào Anh Khoa	25/05/2010	10A3	3.50	3	6.5	6	0.0	3.85	2	5.85	5.25	2	7.25	4.50	3	7.5	3.75	2	5.75				5.25	2	7.25				
260	000345	Trần Nguyễn Xuân Phát	17/11/2010	10A3	2.95	2	4.95	5.3	0.0	3.68	1.9	5.58	5.50	2	7.5	6.00	3	9	4.35	1.5	5.85				3.35	2	5.35				
261	000354	Trần Minh Tiến	11/11/2010	10A3	2.70	2.25	4.95	5.5	0.0	3.68	1.9	5.58	5.50	1	6.5	5.75	1.75	7.5	4.75	2.25	7				3.10	0.5	3.6				
262	000372	Nguyễn Nhật Hào	05/10/2010	10A3	4.85	3	7.85	7	0.2	4.55	1.9	6.65	5.75	2	7.75	6.50	2.75	9.25	4.10	2.25	6.35				6.25	2.5	8.75				
263	000383	Lê Quang Phước Lộc	26/08/2010	10A3	4.55	2.5	7.05	5	0.0	4.90	2	6.9	6.00	1.75	7.75	6.50	2.25	8.75	6.25	3	9.25				6.00	2	8				
264	000392	Mai Trịnh Phát	17/05/2010	10A3	3.50	3	6.5	6.3	0.2	4.20	1.8	6.2	4.60	2	6.6	5.00	2.25	7.25	5.50	0.5	6				5.50	2.25	7.75				
265	000405	Lê Vi	24/09/2010	10A3	4.60	3	7.6	7	0.2	4.20	2	6.4	5.25	2	7.25	6.75	3	9.75	5.50	2.5	8				5.75	2.25	8				
266	000409	Trần Thị Kim Anh	29/06/2010	10A3	4.40	3	7.4	6.5	0.0	4.38	2	6.38	5.00	2	7	6.00	3	9	5.50	1	6.5				4.35	2.5	6.85				
267	000423	Phạm Tấn Lộc	01/04/2010	10A3	3.00	2	5	5.3	0.0	3.85	2	5.85	3.75	2	5.75	6.00	2.75	8.75	2.75	0.25	3				3.00	2	5				
268	000431	Ngô Thị Hồng Nhung	06/01/2010	10A3	3.40	3	6.4	6.3	0.0	4.03	1.9	5.93	3.85	2	5.85	4.25	2.75	7	3.35	0.5	3.85				4.00	0.5	4.5				
269	000443	Trần Nhật Tiến	26/03/2010	10A3	3.90	2.5	6.4	7.8	0.0	4.73	2	6.73	6.50	2	8.5	5.75	2.5	8.25	5.50	1	6.5				5.00	2.25	7.25				
270	000459	Lê Tiến Đạt	26/11/2010	10A3	5.75	3	8.75	6.8	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2	8.75	6.50	3	9.5	6.00	2	8				5.35	2.25	7.6				
271	000477	Trần Bảo Nam	22/10/2010	10A3	3.65	2.5	6.15	5.8	0.0	4.20	2	6.2	3.85	2	5.85	6.00	2.75	8.75	4.60	1.5	6.1				3.75	2	5.75				
272	000480	Trần Hoài Yến Nhi	22/05/2010	10A3	4.45	3	7.45	7	0.0	4.55	1.9	6.45	6.75	2	8.75	5.75	2.25	8	4.75	2.75	7.5				5.10	2.25	7.35				
273	000496	Nguyễn Bạch Tường Vy	25/08/2010	10A3	3.55	2	5.55	7	0.0	4.03	1.8	5.83	6.25	2	8.25	6.00	3	9	5.50	2	7.5				5.50	2.25	7.75				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
274	000511	Trương Quang Hiếu	23/01/2010	10A3	4.85	3	7.85	7.8	0.0	3.85	2	5.85	6.75	2	8.75	7.00	3	10	7.00	3	10				5.75	2.25	8				
275	000524	Nguyễn Trần Trí Nguyễn	24/05/2010	10A3	3.40	2	5.4	7	0.0	4.20	2	6.2	6.25	2	8.25	6.50	2.75	9.25	5.50	2.75	8.25				5.10	2.25	7.35				
276	000525	Lê Quỳnh Bảo Nhi	08/07/2010	10A3	4.40	3	7.4	5.8	0.0	4.55	2	6.55	6.00	2	8	5.75	3	8.75	5.00	2.75	7.75				6.00	2	8				
277	000541	Nguyễn Trung	28/03/2010	10A3	4.70	2.75	7.45	6.5	0.0	4.55	2	6.55	5.50	1.75	7.25	5.75	3	8.75	5.50	1.75	7.25				5.75	2	7.75				
278	000014	Trần Phương Hân	07/02/2010	10A4	4.90	2.5	7.4	4.3	0	4.03	2	6.03	5.00	2	7	6.00	2.75	8.75	4.25	3	7.25							5.75	3	8.75	
279	000028	Đặng Thị Minh Quyền	30/09/2010	10A4	4.00	2.25	6.25	8	0.2	5.25	2	7.45	5.25	2	7.25	4.75	1.75	6.5	5.50	2.5	8							6.50	3	9.5	
280	000041	Lê Nguyễn Phương UYÊN	23/02/2010	10A4	4.90	2.5	7.4	6.8	0.2	3.68	1.8	5.68	4.50	2	6.5	5.00	0.25	5.25	2.35	0	2.35							3.00	3	6	
281	000048	Huỳnh Gia Bảo	06/03/2010	10A4	3.75	3	6.75	4.5	0.2	4.20	2	6.4	4.50	2	6.5	5.50	2	7.5	5.25	1.5	6.75							6.00	3	9	
282	000056	Trần Thị Ngọc Hân	27/05/2010	10A4	2.70	1.5	4.2	7	0.2	4.20	1.8	6.2	3.50	1	4.5	4.25	0	4.25	3.60	0.5	4.1							3.50	0.75	4.25	
283	000074	Nguyễn Minh Quân	23/08/2010	10A4	3.25	2	5.25	6	0	3.85	1.9	5.75	5.50	2	7.5	3.75	0	3.75	4.00	0.5	4.5							2.75	2.75	5.5	
284	000075	Nguyễn Thị Kim Quyền	23/09/2010	10A4	2.55	2	4.55	7	0	4.03	1.9	5.93	5.50	2.75	8.25	3.00	0.5	3.5	3.75	0.25	4							3.75	1.75	5.5	
285	000102	Lương Nguyễn Minh Đăng	09/12/2010	10A4	3.80	2	5.8	7.8	0	4.55	2	6.55	4.25	2.25	6.5	5.25	1	6.25	3.75	2	5.75							3.60	1.75	5.35	
286	000104	Đỗ Gia Hiệp	20/07/2010	10A4	4.55	2.75	7.3	6.8	0	4.38	2	6.38	6.50	2	8.5	6.00	2.5	8.5	5.00	2.5	7.5							4.35	2.75	7.1	
287	000120	Phạm Hoài Nhã Phương	05/01/2010	10A4	4.40	2.25	6.65	7.8	0	3.85	2	5.85	4.75	2	6.75	5.75	2	7.75	4.25	1	5.25							5.35	1	6.35	
288	000135	Triệu Nguyễn Hà Vy	10/12/2010	10A4	4.15	2.5	6.65	5	0	4.03	2	6.03	3.50	2	5.5	4.00	0.5	4.5	4.75	2.5	7.25							4.00	3	7	
289	000136	Huỳnh Hoàng Anh	20/01/2010	10A4	4.65	2.75	7.4	7.8	0	4.38	2	6.38	5.75	2	7.75	5.50	0.5	6	5.10	2.25	7.35							3.75	2.75	6.5	
290	000147	Đặng Tiến Hoàng	18/05/2010	10A4	3.65	3	6.65	7	0	4.03	2	6.03	7.00	2.25	9.25	7.00	1.75	8.75	4.25	1	5.25							6.00	3	9	
291	000162	Dương Ngọc Phúc	05/01/2010	10A4	0.70	0	0.7	4.3	0	4.03	1.9	5.93	1.75	1	2.75	2.25	0	2.25	2.75	0	2.75							V	Vắng	Vắng	
292	000165	Hoàng Thanh Sơn	02/05/2010	10A4	4.50	2.5	7	5.8	0	3.50	2	5.5	4.00	2	6	2.00	0.5	2.5	3.50	0.5	4							3.25	2.25	5.5	
293	000185	Lê Gia Bảo	27/12/2010	10A4	4.90	1.25	6.15	7.5	0.2	3.85	2	6.05	6.75	2	8.75	6.00	2	8	4.25	0.5	4.75							5.00	2.75	7.75	
294	000187	Hoàng Ngọc Minh Châu	11/01/2010	10A4	1.90	2.25	4.15	6	0	4.38	2	6.38	5.75	2	7.75	4.25	0.25	4.5	3.50	1	4.5							4.50	2.5	7	
295	000194	Nguyễn Hữu Huân	19/04/2010	10A4	4.85	2.25	7.1	6.8	0	5.25	2	7.25	7.00	2.5	9.5	6.50	3	9.5	6.50	3	9.5							5.75	3	8.75	
296	000210	Phan Thế Phong	07/04/2010	10A4	3.35	2.75	6.1	5	0	3.68	1.8	5.48	6.00	2	8	3.25	0.25	3.5	2.60	1	3.6							3.60	1	4.6	
297	000233	Hoàng Thị Ngọc Giàu	21/03/2010	10A4	4.15	1.5	5.65	6.8	0	4.20	2	6.2	6.50	2	8.5	5.50	0.5	6	5.25	3	8.25							6.00	2.75	8.75	
298	000237	Lương Như Huỳnh	17/11/2010	10A4	3.70	3	6.7	7	0	3.85	1.9	5.75	4.50	2	6.5	4.25	2	6.25	4.75	1	5.75							4.00	2.75	6.75	
299	000250	Phạm Long Nhật	15/07/2010	10A4	2.80	2.5	5.3	6.5	0	3.85	1.9	5.75	4.00	2	6	4.00	0.25	4.25	3.75	0.75	4.5							3.25	2.75	6	
300	000260	Nguyễn Thành Tài	18/03/2010	10A4	3.35	3	6.35	5.5	0	4.03	2	6.03	5.00	2	7	6.25	2.25	8.5	4.25	1	5.25							2.25	2.75	5	
301	000273	Lê Quỳnh Anh	12/04/2010	10A4	3.70	3	6.7	7.3	0	3.85	1.9	5.75	6.25	2	8.25	6.00	2.75	8.75	6.00	3	9							6.00	2.75	8.75	
302	000288	Lê Nguyễn Đăng Khôi	31/07/2010	10A4	4.95	2	6.95	6.3	0	3.33	2	5.33	3.75	2	5.75	5.25	0.25	5.5	4.00	2	6							4.00	2	6	
303	000292	Nguyễn Phúc Nguyên	18/07/2010	10A4	2.80	0.75	3.55	6	0.2	3.15	1.7	5.05	3.50	2	5.5	2.50	0.25	2.75	4.50	1	5.5							3.35	1.75	5.1	
304	000320	Phùng Bội Bội	12/09/2010	10A4	5.05	2.75	7.8	6	0	4.73	2	6.73	4.50	1.75	6.25	5.50	0.5	6													

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
320	000519	Phạm Ngọc Tuyết Minh	24/03/2010	10A4	4.55	2.25	6.8	6.5	0	4.38	2	6.38	4.25	2	6.25	3.75	2.75	6.5	2.25	0.25	2.5							3.75	1	4.75	
321	000540	Nguyễn Trần Thanh Trúc	23/03/2010	10A4	3.45	3	6.45	7.5	0	3.68	2	5.68	4.50	2	6.5	4.25	0.75	5	4.75	1.75	6.5							5.50	1.75	7.25	
322	000003	Nguyễn Hoàng Anh	04/05/2010	10A5	3.65	1.5	5.15	5	0	3.50	2	5.5	4.85	2	6.85				5.75	2.5	8.25	6.00	2.4	8.4				4.50	1.75	6.25	
323	000013	Trần Khả Hân	13/09/2009	10A5	2.15	1	3.15	6.8	0	4.73	2	6.73	4.25	1.5	5.75				5.50	0.5	6	6.25	2.9	9.15				3.50	2.6	6.1	
324	000019	Nguyễn Hoàng Phương Linh	22/08/2010	10A5	3.90	3	6.9	7	0	3.85	2	5.85	5.75	2	7.75				5.50	1.75	7.25	6.00	3	9				4.75	2.75	7.5	
325	000038	Nguyễn Quốc Tuấn	21/07/2010	10A5	6.50	2.5	9	7	0	4.38	1.8	6.18	7.00	2	9				6.25	3	9.25	6.50	3	9.5				7.00	3	10	
326	000059	Phan Cao Tuấn Hùng	27/01/2010	10A5	3.45	1.75	5.2	6	0	3.15	1.4	4.55	4.75	0.5	5.25				4.60	0	4.6	5.00	2	7				3.10	2	5.1	
327	000062	Phan Thị Mỹ Linh	08/07/2010	10A5	2.55	1.25	3.8	5.8	0	3.50	1.6	5.1	4.10	2	6.1				4.25	1.5	5.75	6.25	3	9.25				3.60	2.75	6.35	
328	000086	Nguyễn Minh Tuấn	15/10/2010	10A5	3.70	2.5	6.2	6.5	0	4.38	1.9	6.28	5.50	2	7.5				5.50	1	6.5	5.75	2.3	8.05				2.85	2.75	5.6	
329	000087	Lương Bích Tuyền	19/02/2010	10A5	3.35	2.25	5.6	7.8	0	4.20	0.8	5	7.00	2	9				6.50	1	7.5	6.50	2.8	9.3				5.75	2.75	8.5	
330	000109	Trần Minh Khoa	09/05/2010	10A5	4.40	3	7.4	7	0	4.38	2	6.38	7.00	2.75	9.75				7.00	3	10	6.50	3	9.5				5.00	2.75	7.75	
331	000112	Ngô Công Nguyễn Thành Long	22/10/2010	10A5	3.05	0.5	3.55	6.3	0	2.80	1.8	4.6	3.75	2	5.75				5.10	1.25	6.35	3.50	1.4	4.9				4.60	1.75	6.35	
332	000127	Lưu Thùy Trang	15/07/2010	10A5	2.60	2	4.6	7.5	0	4.03	2	6.03	4.25	2	6.25				6.25	1.25	7.5	6.00	2.9	8.9				6.00	2.75	8.75	
333	000148	Nguyễn Duy Hoàng	10/09/2010	10A5	4.10	2.5	6.6	7.8	0	4.03	2	6.03	7.00	2	9				5.50	2.5	8	6.50	2.9	9.4				5.75	3	8.75	
334	000156	Tổng Hữu Nghĩa	27/10/2010	10A5	3.40	2.25	5.65	5.5	0	4.03	2	6.03	6.50	2	8.5				5.00	1.25	6.25	7.00	3	10				6.25	2.75	9	
335	000172	Nguyễn Thanh Tính	06/09/2009	10A5	4.40	2	6.4	6.8	0	4.03	2	6.03	4.00	2	6				5.25	2.75	8	6.50	2	8.5				5.50	2.75	8.25	
336	000176	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	29/05/2009	10A5	3.70	2.5	6.2	6.8	0	4.38	2	6.38	7.00	2	9				5.75	3	8.75	6.25	2.9	9.15				5.50	1	6.5	
337	000195	Nguyễn Bùi Công Huy	17/03/2010	10A5	3.95	1.5	5.45	7	0.2	4.20	2	6.4	5.25	2	7.25				5.25	1.5	6.75	6.50	2	8.5				5.00	2.25	7.25	
338	000206	Nguyễn Khánh Ngọc	19/08/2010	10A5	4.90	1.5	6.4	5.3	0	3.50	1.9	5.4	5.50	2	7.5				5.50	1.5	7	6.50	3	9.5				5.75	2.75	8.5	
339	000216	Nguyễn Minh Thư	26/01/2010	10A5	3.05	1.25	4.3	6.3	0	4.55	2	6.55	6.75	2.5	9.25				6.00	1.5	7.5	6.50	3	9.5				5.50	2.75	8.25	
340	000243	Nguyễn Huỳnh Minh Khôi	27/04/2010	10A5	2.45	1	3.45	6.5	0	4.73	2	6.73	6.00	2.25	8.25				5.00	0.5	5.5	6.50	2.5	9				6.50	2.75	9.25	
341	000249	Võ Thị Vy Ngọc	06/03/2010	10A5	3.20	2	5.2	7.5	0	5.25	1.9	7.15	6.50	2.75	9.25				6.75	1	7.75	6.50	3	9.5				4.75	3	7.75	
342	000264	Phạm Thanh Thúy	07/01/2010	10A5	3.00	3	6	7.5	0	3.85	1.9	5.75	6.75	2	8.75				6.00	2	8	6.50	3	9.5				5.50	3	8.5	
343	000270	Trần Quốc Vinh	21/07/2010	10A5	4.10	2	6.1	5.8	0	3.50	2	5.5	5.50	2.25	7.75				5.50	1.75	7.25	5.75	3	8.75				2.75	1.75	4.5	
344	000276	Lê Vũ Minh Chuyên	07/03/2010	10A5	3.5	1.5	5	5.3	0	4.55	2	6.55	3.50	2	5.5				4.35	1	5.35	6.25	3	9.25				4.25	2.75	7	
345	000280	Phạm Hoàng	01/10/2010	10A5	3.35	2	5.35	6.8	0	4.55	1.9	6.45	4.25	1.75	6				5.75	2	7.75	6.00	3	9				4.00	3	7	
346	000293	Trần Hoài Nguyên	05/10/2010	10A5	2.95	2	4.95	6.8	0	4.38	1.9	6.28	6.00	1	7				5.50	3	8.5	6.00	3	9				6.00	2.55	8.55	
347	000301	Võ Kim THUẬN	03/10/2010	10A5	2.20	1	3.2	7	0.2	3.68	1.6	5.48	4.00	1.75	5.75				5.25	0.25	5.5	6.00	2.75	8.75				4.25	2.75	7	
348	000328	Thạch Hoàng Khang	12/01/2010	10A5	3.90	3	6.9	6.5	0	3.68	2	5.68	5.00	2.5	7.5				6.25	2.25	8.5	6.75	3	9.75				4.10	2.75	6.85	
349	000341	Nguyễn Thanh Minh Nhật	30/10/2010	10A5	3.30	1.25	4.55	4.3	0.2	3.85	1.9	5.95	4.10	2	6.1				3.75	0.25	4	5.50	3	8.5				5.00	3	8	
350	000351	Lương Phúc Thịnh	10/01/2010	10A5	2.50	1.25	3.75	6.5	0	4.20	2	6.2	6.25	2	8.25				5.												

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
366	000531	Phạm Ngọc Minh Phương	05/12/2010	10A5	3.90	2.5	6.4	5.8	0	4.38	2	6.38	5.25	1.75	7				5.50	1.75	7.25	6.50	2.4	8.9				3.10	2.5	5.6	
367	000544	Lê Nguyễn Phi Yến	30/01/2010	10A5	4.05	3	7.05	8	0	4.20	2	6.2	7.00	2	9				6.00	3	9	7.00	2.9	9.9				6.00	3	9	
368	000004	Nguyễn Phương Quỳnh Anh	06/03/2010	10A6	2.25	1.5	3.75	8	0.4	4.20	2	6.6	6.25	2.25	8.5				5.75	3	8.75	6.25	3	9.25	5.00	2.25	7.25				
369	000020	Nguyễn Võ Phi Long	02/12/2010	10A6	2.30	1.5	3.8	6.5	0	4.55	1.9	6.45	4.00	2.25	6.25				4.50	1.75	6.25	5.75	2.9	8.65	3.75	1.25	5				
370	000040	Đinh Cát Tường	25/04/2009	10A6	1.90	1.25	3.15	6	0	4.20	2	6.2	3.85	1	4.85				5.10	3	8.1	6.25	2.5	8.75	4.35	1.5	5.85				
371	000055	Mã Thị Ngọc Hà	25/09/2009	10A6	1.80	0.5	2.3	5.3	0	3.85	2	5.85	2.50	1.5	4				3.75	1.5	5.25	4.75	1.9	6.65	2.10	0.75	2.85				
372	000063	Võ Thành Long	01/08/2010	10A6	3.65	2.5	6.15	6.8	0	3.68	2	5.68	6.00	2	8				6.00	3	9	6.25	3	9.25	4.00	3	7				
373	000084	Đinh Thị Tuyết Trinh	12/10/2010	10A6	4.00	1.75	5.75	7	0	4.20	2	6.2	5.75	1.75	7.5				5.75	2.25	8	6.25	2.4	8.65	3.25	2	5.25				
374	000088	Lâm Thị Thúy Vân	04/03/2010	10A6	5.00	2.5	7.5	6	0.6	4.55	2	7.15	7.00	2.25	9.25				6.75	3	9.75	6.50	3	9.5	6.75	1.75	8.5				
375	000091	Nguyễn Lê Xuân An	24/12/2010	10A6	4.50	3	7.5	7.3	0.6	4.38	2	6.98	6.75	2.5	9.25				6.50	2.75	9.25	6.50	3	9.5	6.50	2.25	8.75				
376	000108	Nguyễn Lê Quốc Khánh	24/07/2010	10A6	1.85	1.25	3.1	6	0	4.03	2	6.03	3.00	1.5	4.5				2.75	1.5	4.25	4.50	2.5	7	3.35	1	4.35				
377	000115	Đinh Hoài Nam	03/06/2010	10A6	3.65	2.5	6.15	6.3	0	4.20	2	6.2	6.50	2	8.5				6.00	3	9	7.00	3	10	5.25	2	7.25				
378	000128	Lê Bảo Trân	24/09/2010	10A6	2.15	1.5	3.65	6.8	0	4.55	2	6.55	3.75	2	5.75				4.00	1.25	5.25	6.25	2.75	9	3.50	0.5	4				
379	000139	Nguyễn Vũ Trâm Anh	31/03/2010	10A6	3.65	2.25	5.9	6	0.2	3.85	2	6.05	5.50	2	7.5				6.00	2.5	8.5	6.50	2.6	9.1	4.85	1.75	6.6				
380	000155	Nguyễn Ngọc Lam Nghi	18/04/2010	10A6	2.15	0.25	2.4	5.8	0	4.20	1.6	5.8	5.25	1.25	6.5				5.00	1.75	6.75	5.25	2.9	8.15	3.00	0.75	3.75				
381	000173	Nguyễn Quỳnh Trang	19/05/2010	10A6	2.65	0.5	3.15	4.5	0	3.68	1.7	5.38	2.75	2	4.75				2.25	0	2.25	2.00	1.8	3.8	2.25	0.25	2.5				
382	000178	Nguyễn Ngọc Phương Vy	11/06/2010	10A6	4.55	2	6.55	7	0.6	4.38	2	6.98	7.00	2	9				4.35	2.25	6.6	6.50	2.75	9.25	4.75	3	7.75				
383	000182	Võ Ngọc Kim An	11/01/2010	10A6	3.20	0.5	3.7	6	0	3.68	2	5.68	5.00	1.75	6.75				5.50	1.75	7.25	6.25	3	9.25	4.10	2.25	6.35				
384	000191	Hoàng Anh Hào	07/12/2010	10A6	3.10	2	5.1	5.8	0	3.33	1.8	5.13	5.00	0	5				4.50	2	6.5	3.85	2	5.85	2.85	1	3.85				
385	000205	Mai Yến Ngọc	08/04/2009	10A6	3.55	1.5	5.05	6.8	0.2	4.73	2	6.93	6.00	2.5	8.5				5.50	2.5	8	6.50	3	9.5	4.25	2.25	6.5				
386	000217	Đặng Văn TIẾN	02/01/2010	10A6	5.05	2.5	7.55	6	0.6	5.08	2	7.68	6.75	2	8.75				6.25	3	9.25	6.25	3	9.25	6.50	2.25	8.75				
387	000241	Nguyễn Danh Đăng Khoa	16/11/2009	10A6	4.20	3	7.2	6.3	0	5.08	2	7.08	5.25	2	7.25				6.25	2.25	8.5	7.00	3	10	4.75	1.75	6.5				
388	000247	Trịnh Thị Nhật My	04/10/2010	10A6	5.00	2.25	7.25	6.8	0	4.03	2	6.03	6.75	2.75	9.5				5.25	3	8.25	6.50	3	9.5	6.75	2	8.75				
389	000248	Nguyễn Khánh Ngọc	29/01/2010	10A6	2.60	2	4.6	7.5	0	4.20	2	6.2	6.50	2	8.5				4.75	2	6.75	6.00	2.75	8.75	5.00	2	7				
390	000266	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	20/11/2010	10A6	4.85	1.75	6.6	6.8	0.2	3.68	2	5.88	6.75	2	8.75				5.50	3	8.5	6.50	3	9.5	5.75	2.25	8				
391	000272	Dũ Thị Quỳnh Anh	15/07/2010	10A6	2.40	0.75	3.15	6.3	0.6	4.20	1.9	6.7	4.00	1	5				4.85	2.5	7.35	6.00	3	9	3.50	2.25	5.75				
392	000274	Trần Nguyệt Ánh	05/03/2010	10A6	2.75	1.75	4.5	6.8	0	4.20	1.9	6.1	6.25	2	8.25				6.25	1.25	7.5	6.50	3	9.5	4.50	2	6.5				
393	000294	Trần Ánh Nguyệt	28/07/2010	10A6	4.15	2.5	6.65	7.3	0.6	4.20	2	6.8	6.75	2	8.75				6.00	2.75	8.75	6.50	3	9.5	6.00	2.25	8.25				
394	000304	Nguyễn Quỳnh Bảo Thy	23/09/2010	10A6	3.25	2	5.25	6.3	0	4.03	2	6.03	5.25	2	7.25				6.00	2	8	6.25	3	9.25	4.00	0.5	4.5				
395	000325	Nguyễn Đức Gia HUY	29/04/2010	10A6	4.35	2	6.35	7.8	0.6	4.20	2	6.8	6.25	2	8.25				5.00	2.5	7.5	6.50	3	9.5	4.85	2	6.85				
396	000339	Hồ Phan Đức Nhân	19/04/2010	10A6	3.90	2.5	6.4	5	0	4.38	1.9	6.28	7.00	2.25	9.25				5.75	2.5	8.25	5.50	3	8.5	5.35	3	8.35				
397	000349	Nguyễn Võ Thanh Thảo	02/12/2009	10A6	2.60	1.75	4.35	6.5	0	3.85	2	5.85	6.50	2	8.5				4.60	2.5	7.1	6.00	3	9	4.00	2.5	6.5				
398	000361	Nguyễn Hoàng Anh	25/02/2010	10A6	4.85	2.25	7.1	6	0.6	5.60	2	8.2	5.50	1.5	7				5.00	2.75	7.75	6.75	3	9.75	3.60	2.25	5.85				
399	000379	Trần Nguyễn Tuấn Kiệt	14/05/2010	10A6	2.00	2	4	6.5	0	3.85	1.8	5.65	6.00	2	8				4.75	2	6.75	5.50	3	8.5	3.35	0.25	3.6				
400	000390	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	20/10/2010	10A6	2.85	1	3.85	6.5	0	3.85	1.9	5.75	5.25	1.5	6.75				3.75	1.75	5.5	5.35	3	8.35	4.10	2	6.1				
401	000397	Nguyễn Hoàng Nhật Tân	03/06/2010	10A6	3.10	1.5	4.6	4.5	0	3.68	1.5	5.18	1.25	1	2.25				2.75	1	3.75	3.25	1.5	4.75	2.60	0	2.6				
402	000411	Nguyễn Gia Bảo	12/11/2010	10A6	4.35	2.5	6.85	7	0	4.73	2	6.73	6.75	2	8.75				5.25	3	8.25	6.50	3	9.5	6.00	2.5	8.5				
403	000430	Bùi Thị Tuyết Nhung	27/11/2010	10A6	3.65	1.75	5.4	6.5	0	4.73	2	6.73	6.75	2	8.75				6.00	2.25	8.25	6.50	3	9.5	5.25	2.25	7.5				
404	000437	Nguyễn Lê Tiến Tài	26/09/2010	10A6	4.85	3	7.85	5	0	4.55	2	6.55	5.75	2	7.75				5.50	3	8.5	5.50	3	8.5	4.50	0.25	4.75				
405	000455	Nguyễn Minh Anh	23/05/2009	10A6	3.35	1.75	5.1	6.8	0.4	4.03	2	6.43	6.10	2	8.1				5.50	2.75	8.25	6.50	2.75	9.25	4.50	1	5.5				
406	000466	Nguyễn Trần Quốc Huy	15/03/2010	10A6	3.70	2.5	6.2	5.8	0	3.85	2	5.85	6.50	3	9.5				5.25	2.25	7.5	6.50	3	9.5	3.50	1.75	5.25				
407	000482	Lê Hòa Phát	31/10/2009	10A6	3.65	2.25	5.9	7	0	4.73	2	6.73	7.00	2.25	9.25				5.50	2.5	8	5.75	2.8	8.55	4.35	2.25	6.6				
408	000485	Mai Huỳnh Thanh Sơn	17/04/2010	10A6	3.00	1.5	4.5	5	0	3.68	1.8	5.48	3.75	1.75	5.5				4.50	1.5	6	6.50	2.65	9.15	3.35	0.5	3.85				
409	000512	Nguyễn Trần Bích Kim	03/05/2010	10A6	2.90	1.5	4.4	6.5	0	4.20	2	6.2	6.00	1.75	7.75				5.50	2.25	7.75	6.50	2.8	9.3	4.75	0.75	5.5				
410	000526	Trần Huy Phát	13/11/2010	10A6	4.20	0.75	4.95	5.8	0	3.33	2	5.33	5.00	1.75	6.75				5.25	1.75	7	6.50	2.8	9.3	5.25	1.75	7				
411	000529	Trần Hoàng Tấn Phúc	01/07/2010	10A6	2.55	2.5	5.05	6.5	0	4.03	2	6.03	6.50	2.75	9.25				5.25	2.25	7.5	6.00	2.9	8.9	4.75	1.75	6.5				

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
412	000007	Nguyễn Hữu Hồng Ân	28/02/2010	10A7	2.70	2.25	4.95	5.5	0.2	3.68	1.9	5.78	6.75	2	8.75	5.25	2.75	8							4.25	2	6.25	3.60	2.75	6.35	
413	000011	Hồ Ngọc HÀ	15/10/2010	10A7	4.35	3	7.35	7.3	0.2	4.38	1.9	6.48	4.60	2	6.6	6.25	1.75	8							3.75	2.25	6	3.00	3	6	
414	000024	Nguyễn Thành Nhân	28/08/2010	10A7	3.45	2.25	5.7	7.3	0.0	4.03	2	6.03	4.25	2	6.25	6.50	2.25	8.75							4.50	2	6.5	3.75	2.6	6.35	
415	000061	Tăng Nguyên Khang	16/11/2010	10A7	3.70	3	6.7	6	0.2	4.90	2	7.1	4.50	2	6.5	3.50	1.5	5							3.75	2.25	6	4.50	1.8	6.3	
416	000071	Hoàng Thị Thanh Nhi	21/12/2010	10A7	3.95	3	6.95	6	0.0	4.03	2	6.03	4.25	2	6.25	5.75	0.75	6.5							3.50	2	5.5	5.75	2.75	8.5	
417	000079	Nguyễn Lê Trí Thành	05/09/2010	10A7	3.10	2.25	5.35	6	0.0	4.55	2	6.55	6.75	2.5	9.25	5.50	0	5.5							5.75	2	7.75	4.35	1.75	6.1	
418	000096	Thái Gia Bảo	07/07/2010	10A7	4.75	1.5	6.25	5.8	0.0	4.38	1.9	6.28	4.75	2	6.75	3.00	0	3							3.25	1.25	4.5	3.60	2	5.6	
419	000114	Nguyễn Châu Minh	16/07/2009	10A7	6.75	0	6.75	5.5	0.2	4.20	2	6.4	7.00	0.75	7.75	4.50	0.5	5							4.25	0.75	5	3.00	3	6	
420	000117	Võ Trần Yến Nhi	12/07/2009	10A7	3.25	1.75	5	6	0.0	4.38	1.9	6.28	5.00	2.25	7.25	3.50	0.75	4.25							4.00	2.25	6.25	4.50	2.75	7.25	
421	000134	Nguyễn Thùy Kiều Vy	14/03/2010	10A7	3.55	2.25	5.8	7	0.0	4.90	2	6.9	6.75	2	8.75	6.00	3	9							5.75	1.25	7	5.25	3	8.25	
422	000146	Nguyễn Văn Hiếu	22/06/2010	10A7	3.15	2	5.15	6	0.2	4.20	1.8	6.2	4.75	2	6.75	4.25	1	5.25							4.25	1.75	6	2.10	1	3.1	
423	000160	Nguyễn Huỳnh Như	04/06/2010	10A7	3.35	1.25	4.6	5.5	0.4	5.25	1.9	7.55	3.75	1.75	5.5	4.00	0.75	4.75							4.10	2	6.1	4.10	2.75	6.85	
424	000179	Nguyễn Thị Bảo Vy	24/08/2010	10A7	2.75	2	4.75	6.5	0.0	4.20	2	6.2	6.75	2	8.75	6.00	2	8							5.50	3	8.5	3.25	3	6.25	
425	000186	Tấn Hoàng Anh Bình	08/01/2010	10A7	3.05	1.5	4.55	6.5	0.2	4.20	2	6.4	3.25	2	5.25	2.75	0	2.75							3.35	2	5.35	5.25	2.75	8	
426	000200	Võ Minh Khiêm	12/02/2010	10A7	3.70	2	5.7	5.3	0.2	3.50	2	5.7	5.75	2	7.75	5.25	0.75	6							6.00	2.5	8.5	5.00	2.75	7.75	
427	000209	Nguyễn Quỳnh Như	30/09/2010	10A7	3.05	1.5	4.55	7.8	0.0	4.38	2	6.38	6.75	2	8.75	4.00	0.25	4.25							4.25	2.25	6.5	4.00	2.5	6.5	
428	000224	Phan Văn Quốc Vương	23/11/2010	10A7	4.00	2.5	6.5	4.8	0.2	4.55	2	6.75	4.50	2	6.5	4.00	2.25	6.25							4.00	1	5	3.35	2.75	6.1	
429	000246	Nguyễn Hoài My	15/11/2010	10A7	3.25	2.5	5.75	5.5	0.0	4.20	1.8	6	4.50	2	6.5	3.50	0	3.5							2.60	1.25	3.85	3.50	3	6.5	
430	000259	Nguyễn Ngọc Thảo Phương	31/10/2010	10A7	3.60	2	5.6	8	0.0	4.20	2	6.2	7.00	2.25	9.25	6.00	3	9							5.75	1.75	7.5	5.75	2.75	8.5	
431	000269	Phan Phú Vinh	22/03/2010	10A7	2.15	1.25	3.4	5.5	0.0	3.33	1.9	5.23	5.50	2	7.5	3.00	0.5	3.5							4.00	1.5	5.5	2.60	2.75	5.35	
432	000277	Nguyễn Minh Cường	02/06/2010	10A7	3.65	2.5	6.15	5.8	0.2	4.20	1.9	6.3	5.75	2	7.75	4.00	2.5	6.5							4.00	2	6	3.75	2.75	6.5	
433	000282	Mang Trần Đức Huy	26/10/2010	10A7	3.80	1.75	5.55	5	0.0	4.03	2	6.03	4.00	2	6	4.00	1	5							2.10	1.5	3.6	4.00	2.75	6.75	
434	000300	Cao Xuân Quân	24/02/2010	10A7	3.40	2	5.4	5.3	0.2	2.63	1.9	4.73	5.75	2	7.75	4.50	0	4.5							4.50	1.75	6.25	4.75	2.75	7.5	
435	000312	Hoàng Lê Thanh Vân	20/09/2010	10A7	2.45	0.75	3.2	6.5	0.0	4.55	1.9	6.45	6.75	2	8.75	4.50	0.25	4.75							4.75	2	6.75	4.50	2.75	7.25	
436	000317	Nguyễn Hoàng Tiến An	30/11/2010	10A7	2.90	1.75	4.65	5.3	0.2	3.85	1.9	5.95	6.25	2	8.25	4.50	0.5	5							4.85	1.75	6.6	5.50	2.75	8.25	
437	000330	Nguyễn Hồ Đăng Khoa	03/02/2010	10A7	2.45	1.5	3.95	5.5	0.0	3.68	1.9	5.58	4.75	2	6.75	5.25	1.5	6.75							4.00	2	6	5.25	2.75	8	
438	000347	Huỳnh Thị Minh Sâm	17/11/2010	10A7	3.90	1.5	5.4	7	0.0	4.55	1.9	6.45	4.50	2	6.5	4.25	0.25	4.5							4.25	2	6.25	4.00	2.75	6.75	
439	000355	Nguyễn Minh Trí	14/11/2010	10A7	2.15	2.25	4.4	5.5	0.0	4.20	1.9	6.1	5.00	1.75	6.75	4.50	0	4.5							4.00	1.5	5.5	3.35	3	6.35	
440	000368	Nguyễn Ngọc Hoàng Ánh Dương	07/12/2010	10A7	2.15	2	4.15	5.5	0.6	4.90	1.9	7.4	3.25	2	5.25	5.00	1.75	6.75							3.35	0.5	3.85	4.00	2.55	6.55	
441	000386	Nguyễn Hoàng Nam	18/07/2010	10A7	2.60	1.75	4.35	5.3	0.4	4.03	2	6.43	3.75	2	5.75	4.25	0.75	5							4.00	1	5	2.60	2.55	5.15	
442	000396	Ngô Minh Sơn	03/10/2010	10A7	3.00	1.5	4.5	6.5	0.2	4.73	1.9	6.83	4.00	2	6	4.00	1.75	5.75							5.50	2.25	7.75	2.85	3	5.85	
443	000399	Nguyễn Trần Minh Thư	24/09/2010	10A7	3.60	2.5	6.1	7	0.0	4.38	2	6.38	4.75	2	6.75	5.25	1	6.25							4.75	1.5	6.25	4.00	2.75	6.75	
444	000407	Nguyễn Ngọc Trâm ANH	04/01/2010	10A7	3.75	1	4.75	6.3	0.4	3.68	2	6.08	5.25	2	7.25	4.50	1.25	5.75							3.50	0.75	4.25	4.60	2.75	7.35	
445	000417	Nguyễn Lâm Anh Huy	10/10/2010	10A7	3.50	2	5.5	6	0.0	4.20	2	6.2	4.50	2	6.5	3.75	0	3.75							4.50	2	6.5	4.50	2.5	7	
446	000438	Nguyễn Hoàng Tâm	22/01/2010	10A7	3.55	3	6.55	6	0.2	3.68	2	5.88	4.50	2	6.5	4.50	2.5	7							3.10	2.25	5.35	4.10	2.75	6.85	
447	000439	Đỗ Anh Thư	06/03/2010	10A7	1.85	3	4.85	5	0.0	3.33	1.9	5.23	4.75	1.5	6.25	3.75	0.25	4							2.50	0.5	3	4.00	2.75	6.75	
448	000460	Nguyễn Việt Đức	08/09/2010	10A7	4.50	3	7.5	6.5	0.0	4.20	2	6.2	7.00	2	9	6.50	2.5	9							5.75	2.25	8	7.00	3	10	
449	000470	Đinh Nguyên Lâm	22/07/2010	10A7	4.90	1.25	6.15	6.3	0.0	4.38	2	6.38	5.50	2	7.5	5.75	2.25	8							3.75	2	5.75	4.00	2.75	6.75	
450	000487	Trần Đức Tâm	18/04/2010	10A7	3.75	3	6.75	7	0.2	4.73	2	6.93	4.75	2.5	7.25	5.75	2	7.75							5.75	2.25	8	5.00	2.75	7.75	
451	000488	Võ Minh Thiện	19/08/2010	10A7	2.20	1.75	3.95	5.5	0.2	4.38	2	6.58	6.75	2	8.75	5.25	2	7.25							4.25	1.75	6	4.50	3	7.5	
452	000501	Vũ Minh Anh	01/12/2010	10A7	3.75	1.75	5.5	5	0.2	4.73	2	6.93	4.75	2	6.75	4.00	0.25	4.25							3.75	2.25	6	3.10	3	6.1	
453	000523	Đinh Hoàng Bảo Ngọc	16/02/2010	10A7	2.85	2	4.85	6.3	0.0	4.20	2	6.2	5.00	2	7	4.75	0	4.75							4.00	0.75	4.75	4.10	3	7.1	
454	000534	Phạm Ngọc Quốc Thái	12/08/2010	10A7	5.10	2.5	7.6	5.5	0.0	3.68	1.9	5.58	6.25	2	8.25	4.75	0.25	5							4.75	2.25	7	5.00	2.75	7.75	
455	000535	Phạm Nguyễn Hồng Thắm	17/07/2010	10A7	4.15	1.75	5.9	5.8	0.2	4.20	2	6.4	5.00	2	7	5.00	1	6							4.50	2	6.5	4.00	2.75	6.75	
456	000002	Nguyễn Thiên An	22/11/2010	10A8	3.00	2	5	6.3	0.4	4.20	2	6.6	5.75	1.5	7.25	4.25	2.5	6.75							3.35	0.75	4.1	3.75	2.75	6.5	
457	000009	Nguyễn Quang Dũng	30/06/2010	10A8	4.50	2	6.5	5.8	0	3.85	2	5.85	3.25	2.5	5.75	4.50	2.75	7.25							3.50	2.25	5.75	3.60	3	6.6	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú	
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL		TC
458	000016	Cao Quốc Hùng	06/11/2010	10A8	2.75	0.25	3	5	0	3.85	1.9	5.75	2.50	1.75	4.25	5.00	1.25	6.25							3.00	1.25	4.25	4.35	2.5	6.85	
459	000022	Nguyễn Ngọc Hà My	03/06/2010	10A8	4.60	2.5	7.1	6.3	0	4.03	1.9	5.93	4.50	2	6.5	5.00	1.75	6.75							4.00	1.25	5.25	3.75	2.75	6.5	
460	000047	Nguyễn Duy Anh	10/01/2010	10A8	2.65	1.5	4.15	6.5	0	3.85	2	5.85	5.50	2.75	8.25	5.50	3	8.5							5.50	2.5	8	3.10	2.75	5.85	
461	000060	Lê Thanh Khải	27/10/2010	10A8	2.65	2.75	5.4	7	0	4.90	2	6.9	5.75	2.75	8.5	5.25	3	8.25							3.75	2.5	6.25	3.10	3	6.1	
462	000069	Lê Hoàng Bảo Ngọc	05/03/2010	10A8	3.65	1.5	5.15	6	0	4.38	2	6.38	5.25	2	7.25	6.00	2.5	8.5							4.10	2	6.1	4.75	2.25	7	
463	000099	Hồ Thị Thùy Duyên	11/06/2010	10A8	3.55	1.75	5.3	5	0	3.85	2	5.85	3.25	2	5.25	4.50	2.25	6.75							4.00	1.25	5.25	4.10	1.75	5.85	
464	000111	Hà Mai Linh	01/10/2010	10A8	3.85	2	5.85	6.8	0	4.20	2	6.2	5.25	2	7.25	6.50	2.75	9.25							4.45	2.25	6.7	4.45	1.75	6.2	
465	000116	Trần Bích Ngọc	07/07/2010	10A8	4.05	1.75	5.8	7.5	0	4.73	2	6.73	6.75	2	8.75	6.75	3	9.75							6.00	2.25	8.25	4.50	1.75	6.25	
466	000137	Nguyễn Quốc Anh	21/05/2010	10A8	2.20	2.25	4.45	6.3	0	4.03	1.8	5.83	3.25	1.5	4.75	2.50	2.25	4.75							3.85	1.5	5.35	2.75	2.25	5	
467	000149	Đỗ Gia Huy	03/06/2010	10A8	1.35	0.75	2.1	5.8	0.2	3.68	2	5.88	2.00	1.75	3.75	2.75	1.75	4.5							2.25	0.75	3	3.10	1	4.1	
468	000158	Trần Xuân Kim Ngọc	19/10/2010	10A8	3.10	1	4.1	7	0	4.03	2	6.03	4.00	4	8	4.00	1.25	5.25							2.85	1	3.85	5.25	2	7.25	
469	000190	Võ Lê Quốc Đạt	10/05/2010	10A8	3.00	0.5	3.5	6.5	0.2	4.03	2	6.23	4.50	2.25	6.75	4.50	2	6.5							3.25	3	6.25	2.60	2.75	5.35	
470	000201	Nguyễn Trần Anh Khoa	14/11/2010	10A8	1.95	1.25	3.2	5.5	0	4.03	2	6.03	5.00	2	7	5.50	2	7.5							3.85	2	5.85	5.25	2	7.25	
471	000208	Nguyễn Trần Yến Nhi	23/09/2010	10A8	3.75	1.25	5	7	0.2	4.20	2	6.4	3.25	2	5.25	6.00	2.75	8.75							4.00	2.25	6.25	3.50	2.75	6.25	
472	000228	Nguyễn Trâm Anh	08/11/2010	10A8	4.30	1.75	6.05	6.3	0	4.03	2	6.03	3.75	1	4.75	6.00	3	9							3.85	2	5.85	3.75	2.8	6.55	
473	000245	Ngô Văn Linh	29/06/2010	10A8	1.75	2	3.75	6	0.2	4.38	2	6.58	3.25	2	5.25	4.25	1.5	5.75							3.50	0	3.5	2.20	2.75	4.95	
474	000253	Trần Huỳnh Ái Như	04/01/2010	10A8	1.75	1.25	3	6.8	0	4.20	2	6.2	5.50	2	7.5	6.00	2.75	8.75							4.00	2	6	3.75	2.75	6.5	
475	000268	Trần Thị Tố Uyên	21/05/2010	10A8	3.95	2	5.95	5.8	0	4.20	2	6.2	5.50	1.75	7.25	5.75	3	8.75							5.00	2.25	7.25	3.85	3	6.85	
476	000279	Đào Minh Đức	07/02/2010	10A8	3.85	2.25	6.1	6.8	0.4	4.03	2	6.43	6.25	2	8.25	6.25	1.25	7.5							3.85	2	5.85	3.10	1	4.1	
477	000283	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	06/03/2010	10A8	2.80	1.75	4.55	6	0	4.38	2	6.38	3.50	1	4.5	3.50	0.75	4.25							2.60	0.5	3.1	3.75	2.5	6.25	
478	000298	Nguyễn Huỳnh Thiên Phúc	09/06/2010	10A8	3.70	2.25	5.95	7.3	0.8	4.20	2	7	4.25	2	6.25	5.00	2.25	7.25							4.50	2	6.5	4.50	3	7.5	
479	000308	HUỲNH TUẤN TÚ	08/07/2010	10A8	3.15	2.5	5.65	6.3	0.8	4.03	2	6.83	6.00	2	8	6.25	3	9.25							5.25	2.25	7.5	6.00	3	9	
480	000319	Đỗ Gia Bảo	12/06/2010	10A8	2.55	1.5	4.05	5.8	0	3.85	2	5.85	4.25	2	6.25	4.25	1.75	6							4.50	1.5	6	3.85	3	6.85	
481	000333	La Thanh Lâm	06/10/2010	10A8	4.45	1.5	5.95	5.3	0	4.73	2	6.73	5.00	2	7	2.50	2.5	5							3.50	2	5.5	4.25	2.25	6.5	
482	000346	Nguyễn Minh Phương	24/05/2010	10A8	1.80	0.75	2.55	5.5	0.2	2.63	1.9	4.73	5.00	2	7	2.75	0.25	3							3.75	3	6.75	4.25	2.55	6.8	
483	000356	Vũ Thị Phương Trinh	26/09/2009	10A8	3.30	0.25	3.55	7.3	0	3.68	2	5.68	3.85	2	5.85	5.75	2.75	8.5							6.50	2	8.5	5.35	2.75	8.1	
484	000373	Dương Ngọc Hân	09/06/2008	10A8	2.55	2.5	5.05	8.3	0	3.85	2	5.85	5.75	2.25	8	6.00	3	9							5.75	2.25	8	4.60	2.75	7.35	
485	000385	Lâm Bình Minh	28/12/2010	10A8	4.35	2	6.35	5.8	0	4.73	2	6.73	4.35	2	6.35	5.50	3	8.5							5.00	2	7	4.50	2.75	7.25	
486	000394	Trần Phú Quý	16/06/2009	10A8	3.55	1.5	5.05	6.3	0	4.55	2	6.55	5.35	2	7.35	4.50	2.75	7.25							3.60	0.5	4.1	4.35	3	7.35	
487	000401	Đỗ Minh Trí	11/03/2010	10A8	2.40	0.75	3.15	6	0	4.90	2	6.9	5.00	1.75	6.75	4.50	2.75	7.25							3.75	1.75	5.5	4.00	2.75	6.75	
488	000410	Lê Khắc BẢO	19/09/2010	10A8	2.00	0.25	2.25	6	0	3.																					

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh				Sử			Lý			Hoá			Sinh			Địa			KTPL			Ghi chú
					TN	TL	TC		Nghe	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	TN	TL	TC	
504	000052	Phan Lê Thành Danh	04/10/2010	10A9	3.10	1.5	4.6	5	0	4.03	1.9	5.93	4.00	2	6	4.00	2.5	6.5							4.00	1.75	5.75	3.25	1.75	5	
505	000054	Ngô Minh Đức	15/05/2010	10A9	3.50	2.25	5.75	6	0	4.38	1.9	6.28	5.25	2	7.25	4.50	3	7.5							4.00	0.75	4.75	4.75	1	5.75	
506	000066	Lê Hoàng Thanh Nga	26/11/2010	10A9	4.45	2.5	6.95	6.8	0	5.08	2	7.08	5.00	2.5	7.5	3.75	2.5	6.25							4.00	2	6	4.00	2.75	6.75	
507	000076	Mai Nguyễn Như Quỳnh	02/11/2010	10A9	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng							V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	
508	000095	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	16/06/2010	10A9	2.80	2.75	5.55	6.5	0	4.03	2	6.03	3.75	2	5.75	3.50	2	5.5							2.85	0.75	3.6	4.25	3	7.25	
509	000106	Nguyễn Khánh Huy	02/06/2010	10A9	3.55	1	4.55	5.3	0	2.80	1.9	4.7	2.50	1.25	3.75	2.50	0.5	3							2.85	0	2.85	3.35	1.5	4.85	
510	000118	Nguyễn Kiều Oanh	16/02/2010	10A9	4.60	2.5	7.1	6.8	0	3.85	1.7	5.55	3.25	2.5	5.75	4.75	2.25	7							4.60	2	6.6	3.75	2.75	6.5	
511	000123	Nguyễn Thành Tài	16/07/2010	10A9	4.55	3	7.55	6	0	4.03	2	6.03	4.85	2.25	7.1	5.75	3	8.75							4.00	2	6	5.00	3	8	
512	000138	Nguyễn Tuấn Anh	04/11/2010	10A9	3.05	2.75	5.8	6.8	0.2	4.38	1.9	6.48	6.25	2	8.25	5.50	2.75	8.25							3.85	2.25	6.1	5.25	2.75	8	
513	000143	Lê Giàu	21/01/2010	10A9	3.65	2.25	5.9	5	0	4.20	2	6.2	4.50	1.5	6	4.25	1.75	6							3.75	1	4.75	4.75	2.75	7.5	
514	000153	Nguyễn Trần Gia Linh	07/03/2010	10A9	3.45	1.75	5.2	5.3	0	3.50	1.2	4.7	4.75	1.5	6.25	4.25	2.5	6.75							2.25	0	2.25	4.25	1	5.25	
515	000168	Nguyễn Hoàng Thanh Tân	27/08/2010	10A9	3.15	2.25	5.4	5	0	3.68	2	5.68	4.00	1.75	5.75	4.00	0.75	4.75							2.50	1.25	3.75	2.35	2	4.35	
516	000183	Đặng Hồng Anh	24/06/2010	10A9	3.90	2.5	6.4	4	0	3.68	1.9	5.58	3.25	2	5.25	5.00	3	8							2.75	0.75	3.5	2.85	1	3.85	
517	000196	Nguyễn Thành Huy	15/10/2010	10A9	4.45	3	7.45	7.3	0	3.85	1.7	5.55	5.50	1	6.5	4.75	2.25	7							4.10	3	7.1	5.35	2.75	8.1	
518	000204	ĐỖ THỊ KIM NGỌC	28/10/2010	10A9	3.90	2.25	6.15	6.3	0	4.20	1.9	6.1	2.75	1	3.75	5.25	2.5	7.75							2.60	1.75	4.35	5.00	3	8	
519	000218	Phạm Thị Ngọc Trang	30/07/2010	10A9	3.80	3	6.8	6.8	0.2	3.85	1.9	5.95	3.75	2	5.75	4.00	1	5							4.00	1.75	5.75	5.75	2.75	8.5	
520	000234	Nguyễn Hải Hà	25/04/2010	10A9	2.65	2.75	5.4	5.5	0	3.33	1.8	5.13	1.75	1.5	3.25	2.00	0	2							3.00	1.75	4.75	2.75	1	3.75	
521	000255	Nguyễn Thành Phát	22/08/2010	10A9	4.55	2.75	7.3	6.8	0.6	4.55	1.6	6.75	5.00	1.5	6.5	3.75	2.5	6.25							4.25	1	5.25	4.25	2.75	7	
522	000267	Nguyễn Hoàng Trí	02/03/2010	10A9	4.55	3	7.55	6.5	0	5.25	2	7.25	5.00	3	8	5.25	3	8.25							4.50	2	6.5	4.25	3	7.25	
523	000284	Đinh Phùng Duy Hưng	13/11/2010	10A9	3.95	1	4.95	6.5	0.2	3.33	1.8	5.33	4.00	1.25	5.25	3.50	0.75	4.25							2.35	0.5	2.85	5.25	1.75	7	
524	000291	Nguyễn Thái Minh Long	28/04/2010	10A9	4.50	3	7.5	6.5	0	3.85	2	5.85	6.50	3	9.5	4.75	1.75	6.5							4.75	2.25	7	5.75	2.75	8.5	
525	000305	Trần Thị Tuyết Trinh	20/10/2010	10A9	4.35	2.75	7.1	6	0	3.50	2	5.5	5.25	2	7.25	4.75	2.75	7.5							5.50	2	7.5	3.60	3	6.6	
526	000324	Nguyễn Ngọc Vân Hà	20/07/2010	10A9	2.80	3	5.8	7.3	0	3.68	1.8	5.48	6.25	2	8.25	5.25	2.75	8							5.50	2.75	8.25	5.00	2.75	7.75	
527	000338	Nguyễn Thị Bích Ngọc	04/01/2010	10A9	4.15	3	7.15	6.8	0.2	3.85	1.8	5.85	4.75	2	6.75	4.75	2.75	7.5							4.75	2.5	7.25	4.25	2.25	6.5	
528	000357	Ma Quốc Trung	17/08/2010	10A9	V	Vắng	Vắng	Vắng	0	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng							V	Vắng	Vắng	V	Vắng	Vắng	
529	000362	Nguyễn Kim Quỳnh Anh	26/02/2010	10A9	5.75	3	8.75	8	0	4.38	2	6.38	7.00	2.25	9.25	6.50	5	11.5							6.25	2	8.25	7.00	2.75	9.75	
530	000375	Phạm Nhật Hưng	17/08/2010	10A9	3.30	3	6.3	6	0	4.38	2	6.38	5.50	2	7.5	5.00	2.25	7.25							4.00	2	6	5.00	2.75	7.75	
531	000393	Bạch Hoàng Phúc	21/10/2010	10A9	4.00	3	7	6.3	0	4.20	2	6.2	4.75	2	6.75	6.50	2.75	9.25							3.85	2.25	6.1	4.75	2.75	7.5	
532	000403	Trần Lê Khánh Trường	28/05/2010	10A9	4.30	2.75	7.05	6.5	0	4.03	1.9	5.93	3.00	2.25	5.25	3.75	1.5	5.25							3.35	1	4.35	3.10	2.75	5.85	
533	000413	Đinh Kiến Hạo	01/01/2010	10A9	3.20	3	6.2	7	0.8	5.08	2	7.88	3.25	1.75	5	3.75	1	4.75							3.75	1.5	5.25	5.50	2.75	8.25	
534	000425	Ngô Hoàng Hạ Ly	08/07/2010	10A9	3.00	3	6	6.3	0	4.03	1.9	5.93	5.75	2	7.75	6.00	2.75	8.75							5.50	2.5	8	2.85	3	5.85	
535	000447	Ngô Hoài Anh Tuấn	18/03/2010	10A9	2.35	2	4.35	4.3	0	4.38	2	6.38	4.10	1.25	5.35	5.00	2.25	7.25							4.25	1.75	6	3.75	2.75	6.5	
536	000451	Đỗ Hải Yến	20/08/2010	10A9	3.95	2.75	6.7	6.5	0	4.73	2	6.73	5.75	2	7.75	6.00	3	9							5.75	2.25	8	5.75	3	8.75	
537	000467	Trần Nguyễn Thu Hương	02/04/2010	10A9	3.15	2.75	5.9	5.5	0	4.20	1.5	5.7	4.00	2	6	4.25	1.5	5.75							2.75	1.25	4	3.35	3	6.35	
538	000481	Nguyễn Quỳnh Như	11/11/2010	10A9	2.80	2.25	5.05	6.8	0.2	3.50	1.5	5.2	2.25	2	4.25	4.00	1.5	5.5							2.25	0.75	3	3.60	2.75	6.35	
539	000493	Võ Huỳnh Thanh Tuyền	19/03/2010	10A9	3.90	2.75	6.65	6	0.2	4.20	1.9	6.3	6.00	2	8	5.75	2.75	8.5							5.00	2.25	7.25	4.75	2.75	7.5	
540	000497	Phạm Thị Vy	28/07/2010	10A9	2.40	1.75	4.15	5.8	0	4.73	2	6.73	5.00	1.5	6.5	4.25	2	6.25							3.25	1.25	4.5	4.50	2.75	7.25	
541	000507	HUỲNH NGỌC GIA HÂN	14/01/2010	10A9	3.70	2.75	6.45	5.8	0.2	4.20	2	6.4	4.75	2	6.75	3.50	3	6.5							4.50	1.75	6.25	4.75	2.55	7.3	
542	000528																														